

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2531 /BTC-TCDN  
V/v lấy ý kiến thẩm định dự thảo  
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số  
điều của ND số 126, số 91, số 32 và  
ND số 140

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 478/CD-TTg ngày 27/5/2022, báo cáo số 920/BC-UBKT ngày 15/5/2022 của Ủy ban Kinh tế Quốc hội, công văn số 4083/VPCP-ĐMDN ngày 04/6/2023, công văn số 1026/TTg-ĐMDN ngày 27/10/2023, công văn số 1226/TTg-ĐMDN ngày 27/11/2023, công văn số 10038/VPCP-ĐMDN ngày 25/12/2023, công văn số 4420/VPCP-ĐMDN ngày 25/6/2024, Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/8/2024, công văn số 5920/VPCP-ĐMDN ngày 20/8/2024 của Văn phòng Chính phủ, Thông báo số 560/TB-VPCP ngày 18/12/2024, Công văn số 9564/VPCP-ĐMDN ngày 26/12/2024, Công văn số 1077/VPCP-ĐMDN ngày 11/02/2025, Bộ Tài chính đã xây dựng Hồ sơ dự thảo dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định nêu trên và sớm có ý kiến thẩm định gửi về Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ.

Ý kiến thẩm định xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 29/ 3 /2025

*(Gửi kèm Tờ trình Chính phủ; Dự thảo Nghị định; Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, doanh nghiệp liên quan; Ý kiến của các Bộ, ngành, doanh nghiệp liên quan; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính; Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định).*

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TCDN (05b). ✓

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



**Cao Anh Tuấn**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ<sup>1</sup> về việc tháo gỡ các tồn tại, vướng mắc đã phát sinh trong thời gian qua theo quy định tại Nghị định về cổ phần hóa, thoái vốn, kiến nghị của Ủy ban Kinh tế Quốc hội tại Báo cáo số 920/BC-UBKT ngày 15/5/2022 của giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp và chuyên đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, Bộ Tài chính trình Chính phủ DTND sửa đổi, bổ sung tổng thể các quy định của pháp luật về cổ phần hoá doanh nghiệp và các quy định về thoái vốn, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Chính phủ như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Tại Báo cáo giám sát, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội đề xuất cần “tách công tác sắp xếp lại, xử lý nhà, đất khỏi quy trình CPH DNNN vì rà soát hiện trạng nhà, đất là nhiệm vụ thường xuyên cả trước, trong và sau CPH của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai để bảo đảm sử dụng đúng mục đích và hiệu quả sử dụng đất tránh hoang hóa, lãng phí chứ không phải chỉ để thực hiện công tác CPH, thoái vốn”<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Công điện số 478/CD-TTg ngày 27/5/2022, công văn số 4083/VPCP-ĐMDN ngày 04/6/2023, công văn số 1026/TTg-ĐMDN ngày 27/10/2023, công văn số 1226/TTg-ĐMDN ngày 27/11/2023 và công văn số 10038/VPCP-ĐMDN ngày 25/12/2023, công văn số 4420/VPCP-ĐMDN ngày 25/6/2024, Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/8/2024 về Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2024, công văn số 5920/VPCP-ĐMDN ngày 20/8/2024. Thông báo số 560/TB-VPCP ngày 18/12/2024, Công văn số 9564/VPCP-ĐMDN ngày 26/12/2024, Công văn số 1077/VPCP-ĐMDN ngày 11/02/2025.

<sup>2</sup> Trang 33 Báo cáo giám sát.

- Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025); trong đó tại điểm c khoản 22 Điều 5 của Luật quy định không phải thực hiện sắp xếp lại nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với nhà, đất do doanh nghiệp quản lý, sử dụng. Đồng thời, ngày 18/01/2024, Quốc hội thông qua Luật Đất đai (số 31/2024/QH15 và số 43/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).

Ngày 24/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 47/CT-TTg về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp nhà nước; trong đó, Thủ tướng Chính phủ giao:

- Bộ Tài chính: *“b) Sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; trong đó có Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần”.*

- Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường

*“a) Sửa đổi, bổ sung quy định hướng dẫn về nội dung phương án sử dụng đất, lập, phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, hoàn thành trong năm 2024.*

*b) Thường xuyên rà soát, đánh giá chế độ quản lý, sử dụng đất của các tổ chức kinh tế (trong đó có doanh nghiệp nhà nước) theo quy định của pháp luật về đất đai để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, bảo đảm quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả đất đai do doanh nghiệp nhà nước sử dụng.*

*c) Chỉ đạo các địa phương, đơn vị có liên quan rà soát phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước, giải quyết những vướng mắc, khó khăn (nếu có) trong quản lý, sử dụng đất đai của các doanh nghiệp nhà nước.”*

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất trong đó quy định không thực hiện sắp xếp nhà, đất của doanh nghiệp.

Để đảm bảo quy định của pháp luật cổ phần hóa doanh nghiệp đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan, cần thiết phải ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ ngành, cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp (Văn phòng Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, EVN, Agribank...), để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình cổ phần hoá và quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định nêu trên là cần thiết (các vướng mắc và đề xuất tháo gỡ được nêu tại khoản 2 Mục IV Tờ trình Chính phủ).

## II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

### 1. Mục đích ban hành

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy công tác cổ phần hóa doanh nghiệp; đảm bảo DTND thống nhất, đồng bộ pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đất đai và pháp luật quản lý sử dụng tài sản công, bảo đảm không tạo lỗ hổng pháp lý hoặc thất thoát tài sản của nhà nước.

- Tạo cơ sở pháp lý, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định hiện hành để doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp theo quy định.

### 2. Quan điểm xây dựng DTND

*Một là*, đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ giữa quy định pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công và quy định pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp.

*Hai là*, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính; thống nhất, dễ hiểu về ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản trong DTND.

*Ba là*, đảm bảo tính kịp thời, giải quyết tình huống cấp bách, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa.

## III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

### 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng về cổ phần hóa

#### a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

#### b) Đối tượng áp dụng

b1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu

b2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bao gồm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ của tổng công

ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ

b4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

## **2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp**

### **a) Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

### **b) Đối tượng áp dụng**

b1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

b2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bao gồm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b3. Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước).

b4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp nhà nước.

## **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Quá trình soạn thảo DTND đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024), cụ thể như sau:

- Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 17/TTr-BTC ngày 23/02/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép Bộ Tài chính áp dụng trình tự ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn để xây dựng DTND sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.



- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại công văn số 4083/VPCP-ĐMDN ngày 04/6/2023 của Văn phòng Chính phủ, công văn số 1026/TTg-ĐMDN ngày 27/10/2023, công văn số 1226/TTg-ĐMDN ngày 27/11/2023; Trên cơ sở tiếp thu, tổng hợp ý kiến của Bộ Tư pháp và Bộ KHĐT, Bộ Tài chính đã có Tờ trình Thủ tướng Chính phủ số 267/TTr-BTC ngày 08/12/2023 trình Thủ tướng Chính phủ: (i) Thông qua các nguyên tắc và các nội dung chính sách sửa đổi, bổ sung quy định về công tác cổ phần hóa, thoái vốn nêu tại Tờ trình số 267/TTr-BTC; (ii) Phê duyệt chủ trương cho phép Bộ Tài chính xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại công văn số 10038/VPCP-ĐMDN ngày 25/12/2023, công văn số 4420/VPCP-ĐMDN ngày 25/6/2024 của Văn phòng Chính phủ, Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/8/2024, công văn số 5920/VPCP-ĐMDN ngày 20/8/2024 về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP; Bộ Tài chính đã có công văn số 10139/BTC-TCDN ngày 24/9/2024 gửi lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, các Tập đoàn, Tổng công ty về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP (DTNĐ), trong đó DTNĐ chủ yếu tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất để thúc đẩy công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (DNNN).

- Bộ Tài chính đã nhận được 111 ý kiến của các cơ quan, Bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp<sup>3</sup>, trong đó: 65 đơn vị, doanh nghiệp thống nhất hoàn toàn với nội dung DTNĐ; 56 đơn vị còn lại có ý kiến tham gia trực tiếp vào nội dung DTNĐ. Bên cạnh đó, phát sinh nhiều ý kiến, đề xuất khác ngoài phạm vi xin ý kiến tại DTNĐ kèm theo công văn số 10139/BTC-TCDN.

- Ngày 29/11/2024, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 56/2024/QH15) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025; trong đó tại điểm c khoản 22 Điều 5 của Luật quy định không phải thực hiện sắp xếp lại nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với nhà, đất do doanh nghiệp quản lý, sử dụng; Đồng thời, ngày 18/01/2024, Quốc hội thông qua Luật Đất đai (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025).

- Ngày 24/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 47/CT-TTg về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà, đất tại DNNN; trong đó tại điểm b mục I Chỉ thị, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài

<sup>3</sup> bao gồm 52/63 tỉnh, thành phố; 15/15 Bộ, ngành và 43 doanh nghiệp; Kiểm toán Nhà nước

chính: “b) Sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về cổ phần hoá doanh nghiệp đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; trong đó có Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về chuyển DNNN và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần”.

Vi vậy, để đảm bảo quy định của pháp luật cổ phần hóa doanh nghiệp đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan và trên cơ sở tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, đề xuất liên quan đến xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hoá, chuyển nhượng vốn, phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ... Bộ Tài chính đã có công văn số 1211/BTC-TCĐN ngày 24/01/2025 gửi lấy ý kiến tham gia (lần 2) của các Bộ, ngành, các Tập đoàn, Tổng công ty về dự thảo Nghị định.

Tính đến ngày 20/02/2025, Bộ Tài chính đã nhận được 85 ý kiến của các cơ quan, Bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp bao gồm 48/63 tỉnh, thành phố; 06/18 Bộ, ngành và 31/54 doanh nghiệp. Trong đó: 57 đơn vị, doanh nghiệp thống nhất hoàn toàn với nội dung DTNĐ; 28 đơn vị còn lại có ý kiến thống nhất, đồng thời tham gia trực tiếp vào nội dung DTNĐ về kỹ thuật văn bản và đề nghị quy định rõ hơn để sát với tình hình thực tế.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các đơn vị tham gia ý kiến, Bộ Tài chính đã tổng hợp, hoàn thiện DTNĐ và lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

- Ngày....., Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định DTNĐ. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày ....., Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý DTNĐ để trình Chính phủ.

## **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Bố cục DTNĐ gồm 04 Điều, cụ thể như sau:**

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ và Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024.

Điều 3. Bãi bỏ các nội dung quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

### **2. Nội dung cơ bản của DTNĐ**

## **2.1. Các nội dung sửa đổi, bổ sung quy định về cổ phần hóa**

### **2.1.1. Về phương án sắp xếp lại xử lý nhà, đất của doanh nghiệp và phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa (khoản 2 Điều 1 và khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị định)**

#### **a) Quy định hiện hành:**

- Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP), điều kiện CPH doanh nghiệp là phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; theo đó, căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các DNNN lập phương án sử dụng đất tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu gửi lấy ý kiến UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước khi quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất khi CPH.

#### **b) Một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai cổ phần hóa:**

Nguyên nhân chính ảnh hưởng đến tiến độ cổ phần hóa chậm thời gian qua là do một số doanh nghiệp không chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về sắp xếp (không thực hiện kê khai/hoặc chậm kê khai, báo cáo, tổng hợp, lập phương án sắp xếp để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt) mặc dù quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã thực hiện hơn 20 năm; một số địa phương chậm xử lý hoặc không có ý kiến khi Bộ Tài chính gửi xin ý kiến về phương án sắp xếp lại nên không phê duyệt được; nhiều doanh nghiệp đến sát thời điểm cổ phần hóa mới thực hiện kê khai, báo cáo đề sắp xếp nhà, đất với khối lượng từ vài trăm đến vài nghìn cơ sở nhà, đất đóng trên địa bàn cả nước, dẫn tới việc sắp xếp nhà, đất không kịp hoàn thành trong thời gian ngắn làm ảnh hưởng tiến độ cổ phần hóa. Ngoài ra, nhà, đất của các doanh nghiệp quản lý không chặt chẽ dẫn đến tình trạng sử dụng chưa đúng quy định (bố trí nhà để ở, để trồng...) còn diễn ra; chưa có hồ sơ pháp lý hoặc thất lạc, mất dẫn đến khó khăn trong công tác sắp xếp lại, xử lý (cụ thể tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam,...).

#### **c) Sự thay đổi một số pháp luật có liên quan**

- Quốc hội thông qua Luật số 56/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025) và thông qua Luật Đất đai (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/08/2025).

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 47/CTTTg ngày 24/12/2024 về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà, đất tại DNNN.

#### **d) Ý kiến của Bộ Tài chính:**

- Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định đầy đủ cơ sở pháp lý để thực hiện quản lý, sử dụng và hình thức xử lý, thẩm



quyền quyết định, thủ tục tổ chức thực hiện xử lý đối với nhà, đất của doanh nghiệp. Vấn đề tồn tại trong quản lý, sử dụng đất của doanh nghiệp (nếu có) là do doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai và cơ quan khác có liên quan chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Theo quy định của pháp luật về cổ phần hoá doanh nghiệp (Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP) thì khi thực hiện cổ phần hoá, các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa có trách nhiệm thực hiện lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; rà soát toàn bộ diện tích đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chiến lược phát triển của doanh nghiệp, xác định phần diện tích giữ lại tiếp tục sử dụng và phần diện tích phải bàn giao lại cho địa phương theo đúng quy định của pháp luật đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Về chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT ngày 12/5/2021 hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa DNNN; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp chỉ điều chỉnh hoạt động quản lý vốn, không quy định về quản lý tài sản đặc thù như nhà, đất của các doanh nghiệp. Việc quản lý các tài sản đặc thù phải được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành (pháp luật đất đai hoặc pháp luật về quản lý tài sản công).

Như vậy, về đất đai của doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa): Doanh nghiệp thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật đất đai. Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp (bao gồm cả phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa) thực hiện theo pháp luật về đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Pháp luật về cổ phần hóa: Do hệ thống pháp luật về cổ phần hóa không hướng dẫn đặc thù về nhà, đất của các doanh nghiệp cổ phần hóa mà chỉ dẫn chiếu quy định trong quá trình cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và phương án sử dụng đất theo pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, khi pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thay đổi dẫn đến pháp luật về cổ phần hóa thay đổi, căn cứ Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ:

+ Về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: Bãi bỏ nội dung quy định về điều kiện CPH doanh nghiệp là phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, theo đó bãi bỏ nội dung quy định tại điểm c khoản 1 thuộc điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

+ Về phương án sử dụng đất: sửa đổi khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 140/2020/NĐ-CP theo hướng:

*“Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.”*

**2.1.2. Về nội dung liên quan đến xử lý khoản cổ tức được chia bằng tiền, bằng cổ phiếu tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định)**

a) Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

- Kiểm toán Nhà nước có công văn số 21/KTNN-CNVI ngày 06/02/2024 đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP liên quan đến khoản lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền có nguồn gốc của DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, DN do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ nhưng đến trước thời điểm chuyển thể chưa có Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng thành viên tại tổ chức nhận góp vốn nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của nhà nước, DNNN.

b) Ý kiến của Bộ Tài chính:

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị gửi về (Viettel, EVN, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tư pháp, Agribank,...), Bộ Tài chính đã tiếp thu, tổng hợp và hoàn thiện lại như sau:

Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP :

- Đối với các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, giá đánh giá lại là giá tham chiếu của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp hoặc giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện chia cổ tức, giá này đã được thị trường xác định bao gồm lợi thế về cổ tức sẽ được chia (nếu có). Theo quy định hiện hành, tại thời điểm doanh nghiệp chia cổ tức, giá cổ phiếu trên thị trường sẽ giảm tương ứng với giá trị cổ tức mà cổ đông nhận được.

- Đối với các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp chưa niêm yết, phương pháp định giá được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Với phương pháp này, giá trị vốn chủ sở hữu làm căn cứ định giá đã bao gồm lợi nhuận chưa phân phối, là nguồn chia cổ tức cho các cổ đông.

Như vậy, việc định giá các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP là phù hợp với pháp luật chứng khoán và bản chất kinh tế khi xác định giá trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động kiểm toán tại một số đơn vị, Kiểm toán Nhà nước ghi nhận tại một số đơn vị có báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (chuyển đổi) chưa ghi nhận giá trị số tiền cổ

tức được chia bằng tiền có nguồn gốc từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của giai đoạn doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nhưng đến thời điểm chuyển đổi chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên tại tổ chức nhận vốn góp.

Căn cứ quy định tại Điều 32 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thì giá trị vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đã tính đầy đủ các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền, cổ phiếu. Theo ý kiến của Kiểm toán Nhà nước việc chưa tính các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền chỉ có thể phát sinh trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần và nguồn chia này chưa được tính vào giá trị doanh nghiệp và phương án xác định giá khởi điểm.

Tại khoản 6 Điều 8 Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần đã có quy định khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu phát sinh sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (mà nguồn chia cổ tức chưa được xác định vào giá trị doanh nghiệp và chưa tính vào phương án xác định giá khởi điểm).

Căn cứ quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020<sup>4</sup>, do đây là các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp cổ phần hóa (phát sinh trong giai đoạn doanh nghiệp do Nhà nước/DNNN nắm giữ 100% vốn điều lệ từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần) tại các đơn vị nhận vốn góp, do đó các khoản cổ tức này phải nộp toàn bộ vào NSNN (đối với cổ phần hóa doanh nghiệp cấp 1) và nộp toàn bộ vào doanh nghiệp cấp 1 (đối với cổ phần hóa doanh nghiệp cấp 2),

Để đảm bảo tính đồng bộ của quy định pháp luật, để đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của nhà nước và DNNN (là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) như kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước; Nhằm tránh chuyển lợi ích của Nhà nước từ khoản thu cổ tức, lợi nhuận được chia trong giai đoạn là DNNN (mà nguồn chia cổ tức chưa được xác định vào giá trị doanh nghiệp và chưa tính vào phương án xác định giá khởi điểm) do bị trì hoãn đến khi thực hiện quyết toán để chuyển sang công ty cổ phần hoặc bị trì hoãn cho tới khi tỷ lệ nhà nước sở hữu vốn tại công ty cổ phần còn thấp dẫn đến giảm số thu về NSNN, Bộ Tài chính hoàn chỉnh lại quy định nội dung này tại điểm a khoản 4 Dự thảo Nghị định (bổ sung điểm g).

<sup>4</sup>Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định:

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

**2.1.3. Về xử lý tài chính khi cổ phần hóa đối với trường hợp một số chi phí đã được doanh nghiệp cổ phần hóa ghi nhận vào giai đoạn doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và được thu hồi sau thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (điểm a khoản 4 Điều 1 Dự thảo Nghị định, bổ sung điểm i)**

a) Khoản 3 Điều 13, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP: Thực tế kiểm toán báo cáo quyết toán giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của một số công ty mẹ của Tổng công ty cho thấy: Có một số khoản chi phí đã được doanh nghiệp cổ phần hóa ghi nhận vào giai đoạn DNNN và được thu hồi sau thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần; việc chuyển DNNN và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần là một đặc thù trong hoạt động quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xử lý tài chính khi cổ phần hóa tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định "Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo chế độ Nhà nước quy định" (khoản 3 Điều 13, khoản 2 Điều 21), trong khi đó Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế, không có quy định, hướng dẫn riêng cho việc xử lý tài chính khi cổ phần hóa. Dẫn đến, khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp cổ phần hóa cũng như KTNN khi thực hiện nhiệm vụ được giao; để đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Nhà nước và tránh rủi ro trong việc chuyển lợi ích của Nhà nước sang các tổ chức, cá nhân. KTNN đề nghị Bộ Tài chính xem xét, nghiên cứu để bổ sung quy định về xử lý tài chính khi cổ phần hóa đối với trường hợp nêu trên tại DTNĐ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP lần này cũng như xây dựng văn bản hướng dẫn về lập và trình bày Báo cáo tài chính cho mục đích cổ phần hóa (**Ý kiến của Kiểm toán Nhà nước**).

b) Ý kiến của Bộ Tài chính: Bộ Tài chính tiếp thu, bổ sung quy định về xử lý tài chính khi cổ phần hóa đối với trường hợp một số chi phí đã được doanh nghiệp cổ phần hóa ghi nhận vào giai đoạn DNNN và được thu hồi sau thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, công ty cổ phần nộp về ngân sách nhà nước hoặc Công ty mẹ - doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**2.1.4. Về quyết toán thuế của cơ quan thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa (khoản 3 Điều 1 Dự thảo Nghị định):**

a) Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP: Doanh nghiệp cổ phần hóa có công văn đề nghị cơ quan thuế trực tiếp quản lý, thực hiện kiểm tra, xác định các khoản phải nộp NSNN phải nộp và cơ quan thuế có 30 ngày (kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp cổ phần hóa) để thực hiện kiểm tra, quyết toán thuế, làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp. Tuy nhiên trên thực tế, theo quy định này thường vướng mắc do cơ quan thuế chậm thực hiện, và cũng

không có cơ chế ràng buộc trách nhiệm cơ quan thuế, từ đó dẫn tới chậm tiến độ, vướng mắc trong xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (**Ý kiến của Văn phòng Chính phủ**).

b) Ý kiến của Bộ Tài chính:

- Tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định:

*“3. Nợ thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước:*

*a) Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm nộp thuế và các khoản nợ ngân sách nhà nước trước khi chuyển đổi;*

*b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước thì công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các khoản nợ.”*

- Tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định:

*“3. Công ty cổ phần được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức sản xuất, kinh doanh; kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của doanh nghiệp cổ phần hóa.”*

- Tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 46/2021/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP quy định: *“6. Trường hợp phát hiện kiểm kê thiếu hoặc bỏ sót các tài sản, công nợ trong quá trình kiểm kê tài sản, đối chiếu xác nhận công nợ dẫn đến giảm giá trị doanh nghiệp và vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa được xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và khoản 2 Điều 7 Thông tư này.*

*Riêng các khoản phải nộp ngân sách nhà nước ngay sau khi phát hiện kê khai thiếu, bị bỏ sót kể từ khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần thì công ty cổ phần có trách nhiệm thực hiện kê khai và nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định. Việc xử lý vi phạm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan.”*

Tiếp thu ý kiến của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản này như sau: *“Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp và cơ quan thuế tiếp nhận đủ hồ sơ khai thuế đối với trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định, cơ quan thuế phải tiến hành kiểm tra hồ sơ khai thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế để xác định nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu. Nếu quá thời hạn này, cơ quan thuế chưa tiến hành kiểm tra thuế thì doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ vào số liệu đã kê khai để thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định. Thủ trưởng cơ quan thuế (quản lý trực tiếp doanh nghiệp cổ phần hóa) chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chậm kiểm tra thuế dẫn tới chậm tiến độ, vướng mắc trong xác định giá trị doanh nghiệp”*.

**2.1.5. Về phân bổ khoản cổ tức, lợi nhuận (bằng tiền hoặc cổ phiếu) doanh nghiệp cổ phần hóa được chia từ hoạt động đầu tư tài chính trong trường hợp thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần không trùng với thời điểm lập báo cáo tài chính năm (điểm a khoản 4 Điều 1 Dự thảo Nghị định, bổ sung điểm h)**

a) Đề nghị xem xét, bổ sung quy định về việc phân bổ khoản cổ tức, lợi nhuận (bằng tiền hoặc cổ phiếu) doanh nghiệp cổ phần hóa được chia từ hoạt động đầu tư tài chính tương tự như quy định tại đ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP trong trường hợp thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần không trùng với thời điểm lập báo cáo tài chính năm. **(Ý kiến của EVN)**

b) Ý kiến của Bộ Tài chính: Tiếp thu, bổ sung theo hướng doanh nghiệp cổ phần hóa được chia của các công ty con có vốn góp có nguồn từ lợi nhuận để lại trước khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển thành công ty cổ phần tương tự như phương thức phân phối lợi nhuận quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

**2.1.6. Chính sách Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán Hồ sơ quyết toán CPH đối với các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (điểm b khoản 4 Điều 1 Dự thảo Nghị định)**

a) Đề nghị xem xét, bổ sung quy định Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán Hồ sơ quyết toán cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (bao gồm: Báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần; quyết toán chi phí cổ phần hóa; quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư; quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần) (Điều 26 Nghị định 126/2017/NĐ-CP). **(Ý kiến của EVN)**

**b) Ý kiến của Bộ Tài chính:**

- Tại khoản 5 Điều 3 Luật kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 quy định: *“5. Hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước là việc đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của các thông tin tài chính công, tài sản công hoặc báo cáo tài chính liên quan đến quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; việc chấp hành pháp luật và hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.”*

- Tại khoản 10 Điều 3 Luật kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 quy định: *“10. Tài chính công bao gồm: ngân sách nhà nước; dự trữ quốc gia; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tài chính của các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị cung cấp dịch vụ, hàng hóa công, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng kinh*



*phí, ngân quỹ nhà nước; phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; các khoản nợ công.”*

- Tại khoản 2 Điều 10 Luật kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 quy định nhiệm vụ của Kiểm toán nhà nước: “2. *Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán hằng năm và thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.*”

- Tại khoản 3 Điều 10 Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 (được sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước số 55/2019/QH14 quy định nhiệm vụ của Kiểm toán nhà nước:

*“3. Xem xét, quyết định việc kiểm toán trong trường hợp sau đây:*

*a) Khi có đề nghị của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức không có trong kế hoạch kiểm toán năm của Kiểm toán nhà nước;*

*b) Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng.*

*Trường hợp không thực hiện kiểm toán theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này thì thông báo rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đề nghị”:*

- Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định Kiểm toán nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Việc quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần liên quan đến việc xác định giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Vì vậy, việc bổ sung quy định Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán Hồ sơ quyết toán cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần là có cơ sở thực hiện.

Căn cứ quy định trên, tiếp thu ý kiến của EVN và ý kiến tham gia của Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính dự kiến bổ sung quy định Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán Hồ sơ quyết toán CPH đối với các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (bao gồm: Báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần; quyết toán chi phí cổ phần hóa; quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư; quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần).

**2.1.7. Về cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp cổ phần hóa (đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) hoặc Hội đồng thành viên/Chủ tịch doanh nghiệp nhà nước (đối với doanh nghiệp cấp II, ngoại trừ các đơn vị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP) (khoản 5 Điều 1 Dự thảo Nghị định)**

a) Điểm a khoản 4 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo CPH, đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ

sung như sau: “Xem xét và đề xuất với cơ quan đại diện chủ sở hữu cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp cổ phần hóa (đối với doanh nghiệp nhà nước) hoặc Hội đồng thành viên/Chủ tịch doanh nghiệp nhà nước (đối với doanh nghiệp cấp II)” (**Ý kiến của EVN**)

**b) Ý kiến của Bộ Tài chính:** Tiếp thu ý kiến của EVN, Bộ Tài chính dự kiến sửa đổi, bổ sung như sau: “Xem xét và đề xuất với cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) hoặc Hội đồng thành viên/Chủ tịch doanh nghiệp nhà nước (đối với cổ phần hóa doanh nghiệp do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, ngoại trừ các đơn vị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP) về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp cổ phần hóa”. Lý do thêm ngoại trừ các đơn vị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP là để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa các TĐKT, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước theo sổ sách kế toán từ 1.800 tỷ đồng trở lên và các doanh nghiệp cấp II có mức vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán từ 1.800 tỷ đồng trở lên).

**2.1.8. Về xử lý chi phí cổ phần hóa trong trường hợp doanh nghiệp dừng cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (khoản 1 Điều 1 Dự thảo Nghị định)**

**a)** Về xử lý chi phí cổ phần hóa trong trường hợp doanh nghiệp dừng cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời dừng hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện phương án sắp xếp lại (giải thể, phá sản) thì các khoản chi phí cổ phần hóa được xử lý theo quy định của phương án sắp xếp lại.

Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP: “5. Trong trường hợp doanh nghiệp phải thực hiện lại việc xác định giá trị doanh nghiệp, tạm dừng chưa thực hiện cổ phần hóa hoặc dừng không thực hiện cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định xử lý các khoản chi phí cổ phần hóa (đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ) hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp và doanh nghiệp không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Trường hợp doanh nghiệp dừng cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời dừng hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện phương án sắp xếp lại (giải thể, phá sản) thì các khoản như: Thanh toán tiền bán cổ phần cho người lao động; các khoản chi phí xác định giá trị doanh nghiệp, xây dựng phương án bán cổ phần lần đầu và chi phí khác thực hiện cổ phần hóa được xử lý như thế nào. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét bổ sung hướng dẫn nội dung xử lý tài chính đối với trường hợp nêu trên. (**Ý kiến của Sở Tài chính tỉnh Hải Dương**)

**b) Ý kiến của Bộ Tài chính:**

Bộ Tài chính tiếp thu, đề nghị bổ sung: “*Trong trường hợp doanh nghiệp dừng cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời dừng hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện phương án sắp xếp lại (giải thể, phá sản) thì các khoản chi phí cổ phần hóa được xử lý theo quy định của phương án sắp xếp lại.*”

**2.2. Nội dung quy định về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (quy định tại các Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, 32/2018/NĐ-CP và 140/2020/NĐ-CP)**

**2.2.1. Về việc xác định giá trị được tạo ra bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm (quy định tại khoản 15, 18 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP)**

**a) Quy định hiện hành:**

Theo quy định tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP): “*Giá trị được tạo ra bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm được xác định theo thời hạn thuê đất còn lại và chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm xác định giá khởi điểm với tiền thuê đất tính theo giá đất mà doanh nghiệp khác đang thực hiện trả tiền thuê đất. Thời hạn thuê đất còn lại làm cơ sở tính toán giá trị được tạo ra bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm là thời gian còn lại trong chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất 05 năm theo quy định của pháp luật đất đai. Trường hợp doanh nghiệp đã ký hợp đồng thuê đất nhưng hết hạn thời gian ổn định đơn giá thuê đất mà doanh nghiệp chưa ký lại hợp đồng thì thời hạn thuê đất còn lại được xác định là 05 năm*”

**b) Khó khăn, vướng mắc:**

Theo phản ánh của Kiểm toán Nhà nước, quy định tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP về xác định giá trị được tạo ra bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm có thể chưa chặt chẽ, tiềm ẩn rủi ro xác định thiếu giá trị được tạo ra bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm khi xác định thời hạn còn lại theo thời gian còn lại trong chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất 05 năm. Ngoài ra, trên thực tế phát sinh các trường hợp lô đất không có hợp đồng thuê đất hoặc hết thời hạn thuê đất tại thời điểm định giá, thì có trường hợp tư vấn xác định thời gian thuê đất còn lại là 0 dẫn đến không tính giá trị lợi thế quyền thuê; có trường hợp đất tư vấn xác định thời gian thuê đất còn lại là 05 năm để tính giá trị lợi thế quyền thuê đất.

**c) Ý kiến của Bộ Tài chính:**

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, để phản ánh đầy đủ giá trị lợi thế quyền thuê cho thời gian thuê đất còn lại hoặc các hợp đồng thuê đất hết thời hạn thuê đất, chưa có hợp đồng thuê đất nhưng doanh nghiệp vẫn đang quản lý, sử dụng và nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan

thuế và Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 15, 18 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP theo hướng:

- Bổ quy định về việc chi tính chênh lệch (giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định và tiền thuê đất doanh nghiệp đang trả) trong 05 năm theo chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất, thay vào đó sẽ tính chênh lệch trong toàn bộ thời hạn thuê đất còn lại.

- Ngoài ra, để đảm bảo tính đúng, tính đủ đối với trường hợp có thời hạn thuê đất còn lại ngắn, dẫn đến giá trị chênh lệch không đáng kể, nhưng doanh nghiệp vẫn tiếp tục được gia hạn quyền thuê sau khi hết hạn, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định như sau: *“Đối với trường hợp hợp đồng thuê đất hết thời hạn, không có hợp đồng thuê đất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát để gia hạn, thu hồi hoặc đấu giá quyền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp, sau khi chuyển nhượng vốn doanh nghiệp vẫn tiếp tục được thuê khi hết thời hạn thuê đất không qua đấu giá quyền thuê, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tính chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm doanh nghiệp được tiếp tục thuê đất với tiền thuê đất tính theo giá đất mà doanh nghiệp đang thực hiện trả tiền thuê đất để nộp ngân sách nhà nước. Trường hợp tổ chức tư vấn xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm với giá định quyền thuê đất được gia hạn sau khi hết thời hạn thuê đất, thì sau khi hết thời hạn thuê đất, việc gia hạn quyền thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai”*.

- Đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất: Để tránh trường hợp doanh nghiệp sau khi chuyển nhượng không còn đáp ứng điều kiện được miễn tiền thuê đất, trong khi chưa tính giá trị quyền sử dụng đất thuê khi chuyển nhượng vốn, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định như sau *“Đối với diện tích đất được miễn tiền thuê đất nhưng không còn đáp ứng điều kiện để được miễn tiền thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, tính tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.”*

### **2.2.2. Về thời hạn công bố thông tin khi chuyển nhượng vốn (quy định tại điểm b khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP)**

#### **a) Quy định hiện hành:**

- Điểm b khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP quy định thời hạn công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước khi chuyển nhượng vốn, không giới hạn thời gian được phép giao dịch. Theo đó, DNNN sau khi thực hiện công bố thông tin theo quy định, được phép giao dịch chuyển nhượng vốn theo phương thức giao dịch đã công bố cho đến khi hoàn thành chuyển nhượng vốn.

- Trong khi đó, theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC quy định giới hạn thời gian được phép giao dịch 30 ngày, nhưng thời gian công bố thông tin cho mỗi lần giao dịch là 03 ngày.

#### **b) Khó khăn, vướng mắc:**

Theo phản ánh của Agribank, việc này dẫn đến mất nhiều thời gian cho việc công bố thông tin, ảnh hưởng đến cơ hội thoái vốn cũng như hiệu quả và tiến độ chuyển nhượng vốn.

**c) Ý kiến của Bộ Tài chính:**

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến đề xuất của Agribank, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định tại điểm b khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau: *“Thời hạn Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin lần đầu về giao dịch cổ phiếu chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp cho các nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày trước ngày chuyển nhượng vốn, các lần giao dịch tiếp theo thực hiện công bố thông tin trước ngày dự kiến giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc”.*

**2.2.3. Về việc chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (quy định tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP)**

**a) Quy định hiện hành:**

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 38b Nghị định số 91/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 20 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP:

*“Trường hợp doanh nghiệp phải chuyển nhượng vốn theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp trong từng giai đoạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhưng doanh nghiệp xây dựng phương án tăng vốn điều lệ hoặc tăng vốn góp của các thành viên để mở rộng, phát triển hoạt động và kế hoạch thoái vốn thì người đại diện phần vốn nhà nước/người đại diện phần vốn của doanh nghiệp thực hiện xây dựng phương án cụ thể báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu. Cơ quan đại diện chủ sở hữu gửi lấy ý kiến của Bộ Tài chính trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cụ thể”*

**b) Khó khăn, vướng mắc:**

Theo ý kiến của Văn phòng Chính phủ, với nội dung quy định này, không rõ phương án xử lý cụ thể nên dẫn tới vướng mắc trong tổ chức thực hiện (ngay cả trong trường hợp nhà nước không góp vốn, bán quyền để giảm tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp). Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định nên xem xét phương án tương tự quy định tại khoản 1 (vừa bán quyền góp vốn và vừa thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

**c) Ý kiến của Bộ Tài chính:**

Qua rà soát, nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 1 Điều 38b Nghị định số 140/2020/NĐ-CP đều quy định đối với trường hợp doanh nghiệp phải chuyển nhượng vốn theo tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước và đồng thời doanh nghiệp có phương án tăng vốn điều lệ/tăng vốn góp của các thành viên góp vốn.

Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ bỏ nội dung quy định tại khoản 3 Điều 38b Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, như vậy đối với các doanh nghiệp này người đại diện phần vốn đều phải xây dựng phương án chuyển nhượng vốn và phương án chuyển quyền mua cổ phần/quyền góp vốn để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

#### 2.2.4. Về thu phần chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ (quy định tại khoản 21 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP)

##### a) Quy định hiện hành:

- Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP (sửa đổi Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP)<sup>5</sup> đã quy định hướng xử lý đối với những doanh nghiệp chưa lập phương án xác định vốn điều lệ mà có vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ đã được phê duyệt thì phải nộp phần chênh lệch về ngân sách nhà nước.

- Theo quy định tại khoản 21 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, trước ngày 30 tháng 6 năm 2021, các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phải lập phương án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

##### b) Khó khăn, vướng mắc:

Trên thực tế, đã qua mốc thời gian nêu trên, nhưng còn rất nhiều doanh nghiệp chưa hoàn thành lập hoặc lập chậm và Văn phòng Chính phủ có ý kiến là chưa rõ hướng xử lý đối với các trường hợp trên.

##### c) Ý kiến của Bộ Tài chính:

Tiếp thu ý kiến của Văn phòng Chính phủ, để quy định rõ mốc thời hạn đối với các trường hợp chưa lập phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ hoặc không có nhu cầu bổ sung vốn điều lệ, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi quy định tại khoản 21 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP (sửa đổi khoản 5 Điều 40 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP) theo hướng “Sau 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp không lập phương án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định này hoặc không thuộc phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ mà nguồn vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, Quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản) trên báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp lớn hơn mức vốn điều lệ đã được phê duyệt của năm trước liền kề, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm rà soát, quyết định và chỉ đạo việc doanh nghiệp thực hiện nộp phần chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước”.

#### 2.2.5. Về đầu tư bổ sung vốn đối với doanh nghiệp đã cổ phần hóa

##### a) Quy định hiện hành:

Theo quy định tại Điều 16 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13):

<sup>5</sup> “Đối với các doanh nghiệp không có nhu cầu bổ sung vốn điều lệ hoặc không lập phương án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định này mà nguồn vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, Quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản) trên báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp lớn hơn mức vốn điều lệ đã được phê duyệt của năm trước liền kề, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm rà soát, quyết định và chỉ đạo việc doanh nghiệp thực hiện nộp phần chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước”



*“Điều 16: Phạm vi đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên*

*1. Đầu tư bổ sung vốn nhà nước để tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

*a) Không thu hút được các nhà đầu tư Việt Nam và nước ngoài đối với doanh nghiệp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội;*

*b) Cần thiết phải duy trì để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh”.*

- Theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước *“Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư”*,

- Điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, đã quy định phạm vi đầu tư bổ sung vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

#### **b) Khó khăn, vướng mắc:**

Tuy nhiên, thực tế phát sinh một số doanh nghiệp không thuộc phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ có nhu cầu được đầu tư bổ sung vốn (lĩnh vực bán buôn xăng dầu, lĩnh vực thoát nước đô thị, khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị, lĩnh vực vận chuyển hàng không). Theo báo cáo của các doanh nghiệp, việc tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ... đặc biệt trong bối cảnh kỹ thuật công nghệ không ngừng thay đổi như hiện nay là cần thiết.

Tại công văn số 7144/VPCP-ĐMDN ngày 03/10/2024 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc: *“Bộ Tài chính nghiên cứu báo cáo, kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 5579/BKHĐT-PTDN nêu trên để tham mưu cho Chính phủ về việc bổ sung hay không bổ sung ngành, lĩnh vực “khai thác, sản xuất cung cấp nước sạch và thoát nước đô thị, nông thôn” vào ngành, lĩnh vực được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước trong quá trình xây dựng, ban hành Nghị định sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật số 69/2014/QH13”.*

#### **c) Ý kiến của Bộ Tài chính:**

Căn cứ quy định tại Điều 16 Luật số 69/2014/QH13, Nghị quyết số 12-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và trên cơ sở rà soát Quyết định số 58/2016/QĐ -TTg về tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục DNNN để thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020 (trong đó lĩnh vực thoát nước đô thị, khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch không còn

thuộc đối tượng nhà nước nắm giữ tỷ lệ chi phối); Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2018/NĐ-CP. Theo đó điều chỉnh phạm vi doanh nghiệp thuộc diện nhà nước đầu tư bổ sung vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước là doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi 7 ngành, lĩnh vực (giảm 7 ngành, lĩnh vực so với quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và giảm 6 ngành, lĩnh vực so với quy định tại Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg), trong đó những lĩnh vực bị giảm (lĩnh vực vận chuyên hàng không và đầu môi nhập khẩu xăng dầu...) là những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư. Như vậy, việc quy định phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP) là phù hợp với chủ trương của Đảng và quy định tại Luật số 69/2014/QH13.

Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ chưa sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2018/NĐ-PC đối với ngành, lĩnh vực *“khai thác, sản xuất cung cấp nước sạch và thoát nước đô thị, nông thôn”*. Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp thoát nước giao doanh nghiệp có vốn nhà nước quản lý, sử dụng theo các hình thức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đồng thời, Bộ Tài chính (sau khi hợp nhất Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư) sẽ tiến hành rà soát, phân tích cụ thể về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; đề từ đó có cơ sở tổng kết, đánh giá tổng thể về các ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần đầu tư, bổ sung vốn điều lệ, trong đó có ngành, lĩnh vực *“khai thác, sản xuất cung cấp nước sạch và thoát nước đô thị, nông thôn”*.

Tuy nhiên, để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp đã cổ phần hóa, nhưng có nhu cầu bổ sung vốn từ nguồn tự có (thặng dư cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, xây dựng cơ bản) để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ ... từ đó tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, mang lại lợi ích cho nhà nước (thông qua việc nộp thuế, lợi nhuận được chia về ngân sách nhà nước...), ngoài ra còn có ưu điểm ghi nhận tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, nâng cao trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, Bộ Tài chính đã triển khai xây dựng hồ sơ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp trình Chính phủ/ Quốc hội; theo đó, phạm vi đầu tư vốn vào doanh nghiệp bao gồm đầy đủ các lĩnh vực, ngành nghề nhà nước cần, có thể đầu tư vốn tại doanh nghiệp, không phân biệt đầu tư mới để thành lập doanh nghiệp hay bổ sung vốn vào doanh nghiệp đã có vốn đầu tư của nhà nước. Hiện nay, Bộ Tài chính đang tiếp tục phối hợp với các cơ quan của Quốc hội hoàn thiện hồ sơ dự thảo Luật trình Quốc hội ban hành.

Xuất phát từ thực tế nêu trên, trước mắt Bộ Tài chính trình Chính phủ chủ trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp này theo hướng:

*“6a. Các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thuộc các ngành, lĩnh vực nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ có nhu cầu bổ sung vốn*

từ nguồn vốn tại doanh nghiệp (Quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần, đầu tư xây dựng cơ bản) để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ; cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đối với công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị bổ sung vốn nhà nước, đầu tư bổ sung vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, khoản 9 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

6b. Đối với các doanh nghiệp không thuộc các ngành, lĩnh vực nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ có nhu cầu bổ sung vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để thực hiện đầu tư hoặc thoái vốn theo quy định của pháp luật”.

**2.2.6. Về quy định hướng dẫn đối với trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu đã đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ**

**a) Quy định hiện hành:**

Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 15 Luật số 69/2014/QH13

“4. Đối với việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 14<sup>6</sup> của Luật này, cơ quan đại diện chủ sở hữu trình phương án để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

5. Đối với việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ;

b) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ;

c) Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ.”

<sup>6</sup> “Điều 14. Thẩm quyền quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp đang hoạt động

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý theo quy định của Luật này, trừ doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này.”

Như vậy Luật số 69/2014/QH13 quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trình phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ.

**b) Khó khăn, vướng mắc:**

Thực tế, một số cơ quan đại diện chủ sở hữu đã ban hành quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ. Theo ý kiến của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành văn bản số 5619/BTC-TCDN ngày 31/5/2024 hướng dẫn xử lý các trường hợp trên. Để đảm bảo cơ sở pháp lý và nhất quán trong thực hiện, đề nghị nghiên cứu, hướng dẫn chi tiết trong Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định hướng dẫn Luật số 69/2014/QH13.

**c) Ý kiến của Bộ Tài chính:**

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Thông báo số 11/TB-VPCP ngày 12/01/2024, Bộ Tài chính đã phát hành công văn số 5619/BTC-TCDN ngày 31/5/2024 hướng dẫn xử lý các trường hợp trên. Đến ngày 30/12/2024, VPCP tiếp tục có công văn số 9668/VPCP-ĐMDN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc: *“giao Bộ Tài chính rà soát kỹ, bám sát chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Thông báo số 11/TB-VPCP ngày 12/01/2024 để bổ sung, điều chỉnh lại nội dung hướng dẫn tại mục 1 công văn số 5619/BTC-TCDN, bảo đảm Thủ tướng Chính phủ không hợp thức/phê duyệt lại các nội dung đã thực hiện chưa đúng quy định, thực hiện xử lý kiểm điểm, rút kinh nghiệm theo quy định, không để ảnh hưởng tới việc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp nhà nước, gửi các cơ quan đại diện chủ sở hữu là các bộ, ngành, địa phương trong tháng 1 năm 2025...”*. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định tại DTNĐ nội dung hướng dẫn như sau:

*“7. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu đã ban hành quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ:*

*a. Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện rà soát toàn bộ quá trình đầu tư, bổ sung vốn điều lệ, phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ, nguồn bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ để xác định vốn nhà nước đã đầu tư thực tế tại doanh nghiệp tại ngày 31/12/2024. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp đúng quy định về phạm vi, đối tượng, mức vốn điều lệ và nguồn bổ sung vốn điều lệ, cơ quan đại diện chủ sở hữu tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, đồng thời cần khẳng định và cam kết việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ đảm bảo bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trên cơ sở đó xác định vốn điều lệ gần nhất trước thời điểm xác định lại để xây dựng phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho giai đoạn tiếp theo.*

*Trường hợp doanh nghiệp không thuộc phạm vi được đầu tư bổ sung vốn điều lệ, quyết định sử dụng nguồn bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp hoặc xác định mức vốn điều lệ chưa đúng quy định, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện thu hồi các nguồn vốn đầu tư chưa đúng (nếu có) để đảm bảo không làm thất thoát vốn nhà nước và xử lý, kiểm điểm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.*

*b. Việc xác định mức vốn điều lệ xác định lại và nguồn bổ sung vốn điều lệ; trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 19 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung tại khoản 3, 6 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 5, 6 và khoản 11 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ.”*

### **3. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính tại Nghị định**

Dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến có 01 TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC và các Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ: Thủ tục quyết toán thuế khi thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp (khoản 3 Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP), theo đó, bổ sung nội dung việc thực hiện TTHC nêu trên theo các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế để tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện.

## **VI. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC ĐƯỢC GIAO TẠI CHỈ THỊ SỐ 07/CT-TTG**

Ngày 22/2/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 07/CT-TTg về đổi mới quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư phát triển của các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước. Theo đó, tại điểm 6 mục III, nhiệm vụ giao Bộ Tài chính trong khi chưa ban hành Luật sửa đổi Luật số 69/2014/QH13, khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật 69/2014/QH13 (Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP), trong đó tập trung tháo gỡ:

(i) Thoái vốn tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ là công ty đại chúng đang thua lỗ: Nội dung này đã được hướng dẫn tại Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

(ii) Chuyển giao dự án đầu tư, tài sản giữa các DNNN và (iii) Chuyển giao tài sản từ DNNN về địa phương: Luật số 69/2014/QH13 không có quy định giao Chính phủ hướng dẫn nội dung trên; việc chuyển giao tài sản, dự án của doanh nghiệp phải thực hiện thanh toán, không quy định giảm vốn. Nội dung này sẽ được nghiên cứu, đưa vào nội dung sửa Luật số 69/2014/QH13.

(iii) Tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp để duy trì tỷ lệ sở hữu vốn góp của nhà nước tại công ty cổ phần: Nội dung này đã được hướng dẫn tại Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

(iv) Xác định cụ thể lĩnh vực then chốt để nhà nước đầu tư bổ sung vốn tại doanh nghiệp đang hoạt động: nội dung này thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Bộ Tài chính sẽ tổng hợp vướng mắc, đề xuất của các cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp để đánh giá, nghiên cứu, báo cáo Chính phủ bổ sung các lĩnh vực được đầu tư bổ sung vốn.

## **VII. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, DOANH NGHIỆP**

### **1. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp**

*(Bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).*

### **2. Ý kiến của các Bộ, ngành, doanh nghiệp**

Các nội dung đề xuất, kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp về DTND đã lấy ý kiến tại công văn số 10139/BTC-TCDN ngày 24/9/2024 và công văn số 1211/BTC-TCDN, Bộ Tài chính đã giải trình tại Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về đề nghị sửa đổi, bổ sung các Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP theo hướng: Bộ Tài chính tiếp thu, nghiên cứu trình Chính phủ sửa đổi đối với những nội dung vướng mắc liên quan đến các nội dung quy định về cổ phần hóa, quản lý vốn nhà nước tại các Nghị định của Chính phủ; Đối với các ý kiến tham gia sau khi Bộ Tài chính rà soát và thấy rằng tại pháp luật cổ phần hóa và pháp luật quản lý vốn đã có quy định nên Bộ Tài chính đề nghị không sửa đổi tại DTND sửa đổi, bổ sung lần này; Đối với các vướng mắc liên quan đến quy định tại Luật số 69/2014/QH13, Bộ Tài chính ghi nhận, tiếp thu, nghiên cứu để xem xét, tổng hợp, đề xuất báo cáo Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ trong quá trình xây dựng Nghị định mới hướng dẫn Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sửa đổi).

*(Kèm theo Bảng Tổng hợp giải trình ý kiến tham gia của các đơn vị).*

## **VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

Căn cứ các nội dung trên, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét và cho phép sửa đổi, bổ sung Nghị định nêu tại điểm 2 mục V Tờ trình Chính phủ này, trong đó có các nội dung như sau:

Về phương án sắp xếp lại xử lý nhà, đất của doanh nghiệp và phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa (khoản 2 Điều 1 và khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị định)

+ Bãi bỏ nội dung quy định về điều kiện CPH doanh nghiệp là phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, theo đó bãi bỏ nội dung quy định tại điểm c khoản 1 thuộc điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.



+ Sửa đổi khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 140/2020/NĐ-CP quy định về phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa theo hướng:

*“Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.”*

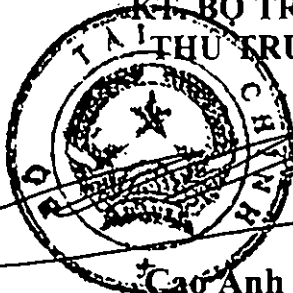
Trên đây là Tờ trình về dự thảo xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét ban hành Nghị định theo quy định đề tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp./.

*Hồ sơ gửi kèm theo: (1) DTND; (2) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đề xuất và góp ý về DTND; (3) Báo cáo thẩm định; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định về DTND; (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (6) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (7) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định.*

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TCDN. (05b) *w*

KT. BỘ TRƯỞNG  
TÀI THƯ TRƯỞNG



*Cao Anh Tuấn*

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / /ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm

**DỰ THẢO LẦN 3**

**NGHỊ ĐỊNH**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây*



viết tắt Nghị định số 126/2017/NĐ-CP); Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt Nghị định số 140/2020/NĐ-CP).

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ, như sau:**

1. Bổ sung vào khoản 4 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau:

“Trong trường hợp doanh nghiệp dừng cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời dừng hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện phương án sắp xếp lại (giải thể, phá sản) thì các khoản chi phí cổ phần hóa được xử lý theo quy định của phương án sắp xếp lại.”

2. Sửa đổi khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau:

“15. Bổ sung Điều 30a như sau:

“Điều 30a. Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa

1. Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa là tập hợp các đề xuất về hình thức sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (nếu có) của địa phương đã được phê duyệt và công bố của các diện tích đất doanh nghiệp cổ phần hóa và các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp cổ phần hóa đầu tư 100% vốn điều lệ đang quản lý, sử dụng tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt.

2. Căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, phương án sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp khi cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo chỉ đạo doanh nghiệp xây dựng phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa bao gồm toàn bộ diện tích đất của doanh nghiệp cổ phần hóa và các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp cổ phần hóa đầu tư 100% vốn điều lệ đang quản lý, sử dụng tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm cả phần diện tích đất không thuộc đối tượng sắp

~~xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và diện tích đất không thuộc phương án sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ – nếu có).~~

~~3. Doanh nghiệp cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp cổ phần hóa quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này báo cáo Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này) có văn bản gửi lấy ý kiến của các địa phương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.~~

~~4. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) phải có ý kiến trả lời bằng văn bản về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.~~

~~Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) chịu trách nhiệm có ý kiến về diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng khi cổ phần hóa và giá đất cụ thể đối với diện tích đất giao theo quy định của pháp luật về đất đai để làm cơ sở cho việc xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định; đồng thời chịu trách nhiệm chỉ đạo tiến hành kiểm điểm, xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chậm có ý kiến chính thức về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa dẫn tới phải tổ chức xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này; việc chậm có ý kiến về phương án sử dụng đất của doanh nghiệp được xem xét là một căn cứ để đánh giá và phân loại cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ công chức.~~

~~Căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phương án sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp theo phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương (nếu có), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) có ý kiến về các diện tích đất trên địa bàn mà doanh nghiệp tiếp tục sử dụng khi cổ phần hóa. Ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) gồm các nội dung sau:~~

~~– Thông nhất phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa đối với các diện tích đất không có thay đổi so với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phương án sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP.~~

~~– Có ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương (nếu có), hình thức sử dụng đất, mục đích sử~~

~~dụng đất của các diện tích đất có thay đổi so với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và phương án sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP đã được phê duyệt; các diện tích đất doanh nghiệp được giao, nhận chuyển nhượng và thuê đất theo quy định của pháp luật phát sinh từ sau thời điểm phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và phương án sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP đã được phê duyệt đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và các diện tích đất không thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và diện tích đất không thuộc phương án sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ (nếu có).~~

~~Trường hợp đề xuất phương án sử dụng đất khi cơ phân hóa chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương (nếu có) hoặc khác với mục đích sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phương án sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP đã được phê duyệt thì doanh nghiệp phải điều chỉnh lại phương án sử dụng đất đối với các diện tích đất này cho phù hợp. Trường hợp doanh nghiệp không điều chỉnh lại phương án sử dụng đất đối với các diện tích đất này thì cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp thực hiện trả lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật về đất đai để sử dụng vào mục đích khác. Giá trị còn lại của tài sản trên diện tích đất phải trả lại cho Nhà nước (nếu có) doanh nghiệp cơ phân hóa bàn giao cho địa phương tiếp nhận, quản lý; đồng thời hạch toán giảm tài sản, giảm vốn chủ sở hữu theo giá trị còn lại của tài sản đang ghi nhận trên sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.~~

~~— Giá đất cụ thể tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai đối với những diện tích đất được giao theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định này.~~

~~5. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các địa phương về phương án sử dụng đất khi cơ phân hóa theo quy định tại khoản 4 Điều này, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất khi cơ phân hóa của doanh nghiệp và phải đảm bảo phương án được phê duyệt trước thời điểm quyết định công bố giá trị doanh nghiệp. Riêng doanh nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất khi cơ phân hóa.~~

~~Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này chịu trách nhiệm chỉ đạo tiến hành kiểm điểm, xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chậm phê duyệt phương án sử dụng đất khi cơ phân hóa của doanh nghiệp dẫn tới phải tổ chức xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này; việc chậm phê duyệt phương án sử dụng đất khi cơ phân hóa được xem xét là một căn cứ để đánh giá và phân loại cán bộ, công chức và người quản lý doanh~~

nh nghiệp theo quy định của pháp luật.

~~6. Các diện tích đất doanh nghiệp cổ phần hóa được giao, nhận chuyển nhượng, thuê đất theo quy định của pháp luật phát sinh từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm đăng ký kinh doanh lần đầu chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; đồng thời hoàn tất các thủ tục để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật có liên quan.~~

~~7. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.~~

Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bổ sung vào khoản 4 Điều 13 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP như sau:

~~“Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan thuế phải tiến hành kiểm tra, quyết toán. Nếu quá thời hạn này, cơ quan thuế chưa tiến hành kiểm tra, quyết toán thuế thì doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ vào số liệu đã kê khai để thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định.~~

Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp và cơ quan thuế tiếp nhận đủ hồ sơ khai thuế đối với trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định, cơ quan thuế phải tiến hành kiểm tra hồ sơ khai thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế để xác định nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu. Nếu quá thời hạn này, cơ quan thuế chưa tiến hành kiểm tra thuế thì doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ vào số liệu đã kê khai để thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định. Thủ trưởng cơ quan thuế (quản lý trực tiếp doanh nghiệp cổ phần hóa) chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chậm kiểm tra thuế dẫn tới chậm tiến độ, vướng mắc trong xác định giá trị doanh nghiệp”

4. Bổ sung, sửa đổi Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP như sau:

a) Bổ sung điểm g, h, i khoản 2 Điều 21 như sau:

~~“g) Trường hợp khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền, bằng cổ phiếu phát sinh sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần mà chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của đơn vị nhận vốn góp về việc chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền (từ nguồn lợi nhuận có nguồn gốc của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ cổ phần hóa mà nguồn chia cổ tức chưa được xác định vào giá trị doanh nghiệp và chưa tính vào phương án xác định giá khởi điểm), doanh nghiệp cổ phần hóa chỉ đạo Người đại diện vốn có ý kiến đề nghị đơn vị nhận vốn góp ra Nghị quyết phân phối lợi nhuận (trong trường hợp chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp) hoặc đề nghị công ty cổ phần thuyết~~



minh rõ tại Biên bản bàn giao tài sản, vốn giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần, sau này đơn vị nhận vốn góp có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền thì toàn bộ số cổ tức, lợi nhuận được chia này sẽ thuộc Nhà nước hoặc thuộc Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100% (trong trường hợp không chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp hoặc Người đại diện vốn đã có ý kiến đề nghị nhưng đơn vị nhận vốn góp vẫn chưa có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận). Khi công ty cổ phần nhận được khoản cổ tức, lợi nhuận được chia này, công ty cổ phần thực hiện nộp toàn bộ giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) vào ngân sách nhà nước 100% hoặc nộp về doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được cổ tức, lợi nhuận được chia.

Trường hợp khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu phát sinh sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (mà nguồn chia cổ tức chưa được xác định vào giá trị doanh nghiệp và chưa tính vào phương án xác định giá khởi điểm), căn cứ Nghị quyết chia cổ tức và thông báo về quyền nhận cổ tức, doanh nghiệp cổ phần hóa xác định giá trị cổ phiếu nhận được để xác định giá trị vốn nhà nước tăng thêm tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo giá tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (theo giá được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 32 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP) nhân (x) với số lượng cổ phiếu nhận được.

Trường hợp tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của đơn vị nhận vốn góp về việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trên (từ nguồn lợi nhuận có nguồn gốc của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ **cổ phần hóa**), doanh nghiệp cổ phần hóa chỉ đạo Người đại diện vốn có ý kiến đề nghị đơn vị nhận vốn góp ra Nghị quyết phân phối lợi nhuận (trong trường hợp chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp) hoặc đề nghị công ty cổ phần thuyết minh rõ tại Biên bản bàn giao tài sản, vốn giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần, sau này đơn vị nhận vốn góp có Nghị quyết chia cổ tức thì toàn bộ số cổ tức được chia bằng cổ phiếu này sẽ thuộc Nhà nước hoặc thuộc Công ty mẹ - doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100% (trong trường hợp không chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp hoặc Người đại diện vốn đã có ý kiến đề nghị nhưng đơn vị nhận vốn góp vẫn chưa có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận). Khi công ty cổ phần chuyển nhượng các cổ phiếu này, công ty cổ phần thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước hoặc nộp về Công ty mẹ - doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100% giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) và các chi phí để thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật sau 05 ngày làm việc kể từ ngày chuyển nhượng cổ phiếu thành công.

“g. Trường hợp khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền, cổ phiếu phát sinh sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (mà nguồn chia cổ tức, lợi nhuận chưa được xác định vào giá trị doanh nghiệp và chưa tính vào phương án xác định giá khởi điểm) mà chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của đơn vị nhận vốn góp về việc chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền, cổ phiếu, doanh nghiệp cổ phần hóa chỉ đạo Người đại diện vốn có ý kiến đề nghị đơn vị nhận vốn góp ra Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận hoặc đề nghị công ty cổ phần thuyết minh rõ tại Biên bản bàn giao tài sản, vốn giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần, sau này đơn vị nhận vốn góp có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền, cổ phiếu thì toàn bộ số cổ tức, lợi nhuận được chia này sẽ thuộc Nhà nước hoặc thuộc Công ty mẹ - Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Trường hợp khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu phát sinh sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (mà nguồn chia cổ tức chưa được xác định vào giá trị doanh nghiệp và chưa tính vào phương án xác định giá khởi điểm) và đã có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận, căn cứ Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận và thông báo về quyền nhận cổ tức, lợi nhuận, doanh nghiệp cổ phần hóa xác định giá trị cổ phiếu nhận được để xác định giá trị vốn nhà nước tăng thêm tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo giá tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần nhân (x) với số lượng cổ phiếu nhận được.

Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền, khi công ty cổ phần nhận được khoản cổ tức, lợi nhuận được chia này, công ty cổ phần thực hiện nộp toàn bộ giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) vào ngân sách nhà nước (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) hoặc nộp về Công ty mẹ - doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ) giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền.

Đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng cổ phiếu, công ty cổ phần thực hiện chuyển nhượng sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được cổ phiếu. Sau khi chuyển nhượng thành công, công ty cổ phần thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) hoặc nộp về Công ty mẹ - doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ) giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) và các chi phí để thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật sau 05 ngày làm việc kể từ ngày chuyển nhượng cổ phiếu thành

công.

Chi phí chuyên nhượng gồm chi phí thuê tư vấn thẩm định giá, chi phí tổ chức bán đấu giá, chi phí thực hiện các thủ tục pháp lý cho việc chuyên nhượng, các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) phải nộp cho Nhà nước và các khoản chi phí khác có liên quan. Các chi phí này do Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông quyết định phê duyệt dự toán, quyết toán và quyết định mức chi cụ thể đảm bảo có đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các tổ chức nhận vốn góp của doanh nghiệp trên cơ sở yêu cầu của doanh nghiệp thông qua đại diện vốn, xác định số cổ phiếu được chia thuộc quyền sở hữu của nhà nước, đồng thời thông báo về cơ quan đại diện chủ sở hữu để theo dõi, giám sát. Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc Công ty mẹ - doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo, có ý kiến đối với Người đại diện vốn góp tại các trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Doanh nghiệp cổ phần chủ động trong việc thực hiện chuyên nhượng cổ phiếu để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, đảm bảo việc chuyên nhượng đúng quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần nộp vào NSNN theo Tờ khai số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập - Mẫu số 01/CPH ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (tại mã chỉ tiêu số 18) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

h. Việc phân bổ khoản cổ tức, lợi nhuận (bằng tiền hoặc cổ phiếu) doanh nghiệp cổ phần hóa được chia từ hoạt động đầu tư tài chính thực hiện theo quy định tại đ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP trong trường hợp thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần không trùng với thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

i. Trường hợp một số chi phí đã được doanh nghiệp cổ phần hóa ghi nhận vào giai đoạn doanh nghiệp nhà nước chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần và được thu hồi sau thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, công ty cổ phần nộp về ngân sách nhà nước hoặc Công ty mẹ - doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

b) Sửa đổi khoản 4 Điều 21 như sau:

4. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, xử lý các tồn tại tài chính của doanh nghiệp và ban hành quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư và quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần, xác

định số phải nộp bổ sung theo quy định về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (nếu có).

“4. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, xử lý các tồn tại tài chính của doanh nghiệp.

Sau khi có kết quả kiểm tra, xử lý các tồn tại tài chính của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán hồ sơ quyết toán cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP bao gồm: Báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần; quyết toán chi phí cổ phần hóa; quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư; quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm toán hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Thời gian hoàn thành, công bố kết quả kiểm toán không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày tiến hành kiểm toán. Kiểm toán nhà nước chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm toán hồ sơ quyết toán cổ phần hóa khi nhận được đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Thời gian tổ chức thực hiện kiểm toán, thời gian công bố kết quả kiểm toán thực hiện theo quy định tại Luật Kiểm toán nhà nước và các quy trình của Kiểm toán nhà nước. Kiểm toán nhà nước chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp cổ phần hóa và cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm giải trình, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đảm bảo tính đầy đủ, chính xác hồ sơ, tài liệu đến công tác quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề tài chính trước khi phê duyệt quyết toán theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước.

Căn cứ kết quả của Kiểm toán nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần, xác định số phải nộp bổ sung theo quy định về ngân sách nhà nước hoặc nộp về Công ty mẹ - doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (nếu có)

Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu không thống nhất với kết quả Kiểm toán nhà nước công bố thì tổ chức trao đổi lại để thống nhất hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem, xét, quyết định trước khi công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo thẩm quyền.”

5. Sửa đổi, bổ sung tại gạch đầu dòng thứ 15 điểm a khoản 4 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP như sau:

~~“Xem xét và đề xuất với cơ quan đại diện chủ sở hữu cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp cổ phần hóa.~~

Xem xét và đề xuất với cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) hoặc Hội đồng thành viên/Chủ tịch doanh nghiệp nhà nước (đối với cổ phần hóa doanh nghiệp do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, ngoại trừ các đơn vị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP) về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp cổ phần hóa”.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024, như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 15 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau:

“d) Việc chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác có liên quan đến quyền sử dụng đất phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai. Khi chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm rà soát hồ sơ bàn giao doanh nghiệp từ doanh nghiệp nhà nước sang doanh nghiệp khác (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) theo đúng quy định (trong đó có báo cáo về sử dụng đất của doanh nghiệp) và thực tế sử dụng đất của doanh nghiệp khác có vốn góp của doanh nghiệp nhà nước làm cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng đất khi tính vào giá khởi điểm chuyển nhượng vốn.

Việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê trong giá khởi điểm được thực hiện theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm xác định giá khởi điểm so với tiền sử dụng đất, tiền nhận chuyển nhượng, tiền thuê đất mà doanh nghiệp khác đã thực hiện nộp và trả.

Việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chỉ thực hiện xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm đối với diện tích đất của doanh nghiệp khác (có vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) đã và đang trực tiếp ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm được xác định theo thời hạn thuê đất còn lại và chênh lệch đương (nếu có) giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm xác định giá khởi điểm ~~với trừ~~ đi tiền thuê đất tính theo giá đất mà doanh nghiệp khác đang thực hiện trả tiền thuê đất. Đối với trường hợp hợp đồng thuê đất hết thời hạn, không có hợp đồng thuê đất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát để gia hạn, thu hồi hoặc đấu giá quyền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp, sau khi chuyển nhượng vốn doanh nghiệp vẫn tiếp tục được thuê khi hết thời hạn thuê đất không qua đấu giá quyền thuê, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thuê tổ chức tư vấn tính chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm doanh nghiệp được tiếp tục thuê đất với tiền thuê đất tính theo giá đất mà doanh nghiệp đang thực hiện trả tiền thuê đất để nộp ngân sách nhà nước.

- Trường hợp tổ chức tư vấn xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm với giá định quyền thuê đất được gia hạn sau khi hết thời hạn thuê đất, thì sau khi hết thời hạn thuê đất, việc gia hạn quyền thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

~~Thời hạn thuê đất còn lại làm cơ sở tính toán giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm là thời gian còn lại trong chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất 05 năm theo quy định của pháp luật đất đai. Trường hợp doanh nghiệp đã ký hợp đồng thuê đất nhưng hết hạn thời gian ổn định đơn giá thuê đất mà doanh nghiệp chưa ký lại hợp đồng thì thời hạn thuê đất còn lại được xác định là 05 năm.~~

- Đối với trường hợp doanh nghiệp thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai thì diện tích đất thuê được miễn tiền thuê đất được loại trừ khi xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn. Đối với diện tích đất được miễn tiền thuê đất nhưng không còn đáp ứng điều kiện để được miễn tiền thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, tính tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.”

2. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ tư điểm a khoản 1 Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và điểm b khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau:

“Thời hạn Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin lần đầu về giao dịch cổ phiếu chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp cho các nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày trước ngày chuyển nhượng vốn, các lần giao dịch tiếp theo thực hiện công bố thông tin trước ngày dự kiến giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 18 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau:

“d) Việc chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp có liên quan đến quyền sử dụng đất phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai. Khi chuyển nhượng vốn của nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ

sở hữu có trách nhiệm rà soát hồ sơ bàn giao doanh nghiệp từ doanh nghiệp nhà nước sang doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) theo đúng quy định (trong đó có báo cáo về sử dụng đất của doanh nghiệp) và thực tế sử dụng đất của doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước làm cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng đất khi tính vào giá khởi điểm chuyển nhượng vốn.

Việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê trong giá khởi điểm được thực hiện theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm xác định giá khởi điểm so với tiền sử dụng đất, tiền nhận chuyển nhượng, tiền thuê đất mà doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước đã thực hiện nộp và trả.

Việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chỉ thực hiện xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm đối với diện tích đất của doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước đã và đang trực tiếp ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm được xác định theo thời hạn thuê đất còn lại và chênh lệch dương (nếu có) giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm xác định giá khởi điểm ~~với~~ trừ đi tiền thuê đất tính theo giá đất mà doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước đang thực hiện trả tiền thuê đất. Đối với trường hợp hợp đồng thuê đất hết thời hạn, không có hợp đồng thuê đất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát để gia hạn, thu hồi hoặc đấu giá quyền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp, sau khi chuyển nhượng vốn doanh nghiệp vẫn tiếp tục được thuê khi hết thời hạn thuê đất không qua đấu giá quyền thuê, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thuê tổ chức tư vấn tính chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm doanh nghiệp được tiếp tục thuê đất với tiền thuê đất tính theo giá đất mà doanh nghiệp đang thực hiện trả tiền thuê đất để nộp ngân sách nhà nước.

- Trường hợp tổ chức tư vấn xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm với giá định quyền thuê đất được gia hạn sau khi hết thời hạn thuê đất, thì sau khi hết thời hạn thuê đất, việc gia hạn quyền thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

- ~~Thời hạn thuê đất còn lại làm cơ sở tính toán giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm là thời gian còn lại trong chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất 05 năm theo quy định của pháp luật đất đai. Trường hợp doanh nghiệp đã ký hợp đồng thuê đất nhưng hết hạn thời gian ổn định đơn giá thuê đất mà doanh nghiệp chưa ký lại hợp đồng thì thời hạn thuê đất còn lại được xác định là 05 năm.~~

- Đối với trường hợp doanh nghiệp thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai thì diện tích đất thuê được miễn tiền thuê đất

được loại trừ khi xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn. Đối với diện tích đất được miễn tiền thuê đất nhưng không còn đáp ứng điều kiện để được miễn tiền thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, tính tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.”

4. Sửa đổi khoản 5 Điều 40 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 21 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau:

“Sau 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp không lập phương án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định này hoặc không thuộc phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ mà nguồn vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, Quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản) trên báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp lớn hơn mức vốn điều lệ đã được phê duyệt của năm trước liền kề, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm rà soát, quyết định và chỉ đạo doanh nghiệp thực hiện nộp phần chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước”.

5. Bổ sung khoản 6a, 6b Điều 42 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP nội dung sau

“6a. Các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thuộc các ngành, lĩnh vực nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ có nhu cầu bổ sung vốn từ nguồn vốn tại doanh nghiệp (Quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần, đầu tư xây dựng cơ bản) để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ; cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đối với công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị bổ sung vốn nhà nước, đầu tư bổ sung vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, khoản 9 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

6b. Đối với các doanh nghiệp không thuộc các ngành, lĩnh vực nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ có nhu cầu bổ sung vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để thực hiện đầu tư hoặc thoái vốn theo quy định của pháp luật”.

6. Bổ sung khoản 7 Điều 42 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP như sau:

“7. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu đã ban hành quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ:



a. Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện rà soát toàn bộ quá trình đầu tư, bổ sung vốn điều lệ, phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ, nguồn bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ để xác định vốn nhà nước đã đầu tư thực tế tại doanh nghiệp tại ngày 31/12/2024. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp đúng quy định về phạm vi, đối tượng, mức vốn điều lệ và nguồn bổ sung vốn điều lệ, cơ quan đại diện chủ sở hữu tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, đồng thời cần khẳng định và cam kết việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ đảm bảo bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trên cơ sở đó xác định vốn điều lệ gần nhất trước thời điểm xác định lại để xây dựng phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho giai đoạn tiếp theo.

Trường hợp doanh nghiệp không thuộc phạm vi được đầu tư bổ sung vốn điều lệ, quyết định sử dụng nguồn bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp hoặc xác định mức vốn điều lệ chưa đúng quy định, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện thu hồi các nguồn vốn đầu tư chưa đúng (nếu có) để đảm bảo không làm thất thoát vốn nhà nước và xử lý, kiểm điểm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

b. Việc xác định mức vốn điều lệ xác định lại và nguồn bổ sung vốn điều lệ; trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 19 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung tại khoản 3, 6 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 5, 6 và khoản 11 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ.”

### **Điều 3. Bãi bỏ các nội dung quy định sau:**

1. Nội dung quy định tại tại điểm c khoản 1 thuộc điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.
2. Nội dung quy định tại khoản 3 Điều 38b Nghị định số 91/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 20 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng... năm...
2. Các doanh nghiệp đã có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án được duyệt và thực hiện quyết toán **theo quy định hiện hành và Nghị định này.**
3. Đối với phương án đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.
4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định này, nếu có khó khăn vướng mắc, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng thành viên công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà

nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn nhà nước có văn bản phản ánh về Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét quyết định.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng thành viên công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

CHÍNH



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2025

**Phụ lục 1**

**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP VÀ 140/2020/NĐ-CP (VỀ CỔ PHẦN HÓA DNNN)**

*(Kèm theo công văn số 2531 /BTC-TCDN ngày 28 /02 /2025 của Bộ Tài chính)*

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
I	<b>Các ý kiến tham gia về đất đai, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất; phương án sử dụng đất</b>			
1		<b>Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất</b>		
			Các đơn vị có ý kiến tham gia thống nhất với dự thảo Nghị định	
2		<b>Phương án sử dụng đất</b>		
	Đề xuất bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định	DATC	Đề xuất bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định nội dung về thực hiện phương án sử dụng đất đối với doanh nghiệp cổ phần hóa như sau: "b. Đối với các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất thực hiện như sau:	Nội dung này, Bộ Tài chính đã giải trình tại điểm 2.1.1 Mục IV dự thảo Tờ trình Chính phủ và Bảng Tổng hợp giải trình các ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị (trong đó có DATC và Tổng công ty Thuốc lá VN) kèm theo công văn số 1211/BTC-TCDN ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính, theo đó việc hướng dẫn cũng như xử lý các vướng mắc tồn tại về phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa sẽ được



STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>- Bàn giao nguyên trạng các cơ sở nhà, đất từ doanh nghiệp cổ phần hóa sang công ty cổ phần tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu để tiếp tục quản lý, sử dụng.</p> <p>- Công ty cổ phần và cổ đông nhà nước/doanh nghiệp nhà nước có tỷ lệ vốn góp lớn nhất tại công ty cổ phần thực hiện phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa đối với cơ sở nhà, đất được nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần hoặc được giao (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản này; không phải thực hiện đối với cơ sở nhà, đất được nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm; không phải xin ý kiến lại đối với các cơ sở nhà, đất đã có ý kiến của các Bộ và các địa phương trước đây.</p> <p>- Công ty cổ phần có trách nhiệm quản lý, sử dụng các cơ sở nhà đất theo đúng mục đích, đúng phương án sử dụng đất đã xây dựng.”</p> <p><b>Lý do:</b></p> <p>a) Việc thực hiện phương án sử dụng đất của doanh nghiệp là cần thiết, nên đề xuất nêu trên nhằm có cơ chế phù hợp giúp doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thực hiện quyết toán cổ phần hóa để bàn giao chính thức, tránh kéo dài dẫn đến bị thu hồi đất; đồng thời góp phần ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp.</p> <p>b) Đối với các cơ sở nhà, đất đang được nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm, các công ty này đang ký hợp đồng và thực hiện</p>	<p>hướng dẫn tại các văn bản pháp luật do Bộ Tài nguyên Môi trường chủ trì theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp nhà nước.</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>trả tiền hàng năm. Trường hợp hàng năm các địa phương căn cứ quy hoạch để thực hiện thu hồi thì các công ty đều phải chấp hành nên không cần thiết phải thực hiện phương án sử dụng đất, tránh phát sinh nhiều thủ tục, mất thời gian.</p> <p>c) Xuất phát từ thực tế hoạt động của DATC có phát sinh trường hợp: DATC đã phối hợp với Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (Vinataba) thực hiện triển khai phương án mua nợ, xử lý tài chính để tái cơ cấu chuyên đổi Công ty Thực phẩm Miền Bắc thành công ty cổ phần theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quy định của nhà nước về việc cổ phần hóa/tái cơ cấu. Việc sửa đổi quy định về phương án sắp xếp lại xử lý nhà, đất đối với doanh nghiệp cổ phần hóa tại Nghị định 03/2025/NĐ-CP đã tháo gỡ một phần vướng mắc cho doanh nghiệp, tuy nhiên, nếu chỉ quy định nội dung dẫn chiếu chung như tại dự thảo Nghị định thì các trường hợp như Công ty Thực phẩm Miền Bắc nêu trên sẽ tiếp tục vướng mắc do pháp luật về đất đai chưa có quy định cụ thể để triển khai thực hiện.</p>	
		TCT Cà Phê VN	<p>Hiện tại, trong các quy định của pháp luật liên quan, chưa có quy định trong trường hợp doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa (tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp); nhưng do nhiều nguyên nhân chưa cổ phần hóa được, dẫn đến Phương án sử dụng đất không khả thi. Vấn đề đặt ra là trong giai đoạn kể từ khi</p>	<p>Nội dung này, Bộ Tài chính đã giải trình tại điểm 2.1.1 Mục IV dự thảo Tờ trình Chính phủ và Bảng Tổng hợp giải trình các ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị (trong đó có DATC và Tổng công ty Thuốc lá VN) kèm theo công văn số 1211/BTC-TCDN ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính, theo đó việc hướng dẫn cũng như xử lý các vướng mắc tồn tại về phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa sẽ được</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đến lúc thực hiện thành công đề án sắp xếp đổi mới, đối với các đơn vị nông nghiệp đã được phê duyệt Phương án sử dụng đất khi cô phần hóa nhưng chưa cô phần hóa được. Đề không tạo khoảng trống pháp lý, Tổng công ty kiến nghị, Dự thảo Nghị định cần bổ sung:</p> <p>Đối với những đơn vị nông nghiệp khi thực hiện sắp xếp, đổi mới thì tiếp tục được duyệt Phương án sử dụng đất theo loại hình hiện tại cho đến khi hoàn thành sắp xếp, đổi mới, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh (vì thực tế doanh nghiệp chưa cô phần hóa được).</p> <p>- Đối với doanh nghiệp sắp xếp theo hình thức khác (giải thể): Về chủ trương đã được phê duyệt và thực tế đã thực hiện nhưng không được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014. Do vậy, Dự thảo Nghị định cần nghiên cứu bổ sung: Đối với những đơn vị nông nghiệp khi thực hiện sắp xếp, đổi mới thì tiếp tục được duyệt Phương án sử dụng đất theo loại hình hiện hữu cho đến khi hoàn thành sắp xếp đổi mới để doanh nghiệp ổn định sản xuất kinh doanh, ổn định hợp đồng thuê đất, đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn đơn vị trú đóng...</p>	<p>hướng dẫn tại các văn bản pháp luật do Bộ Tài nguyên Môi trường chủ trì theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp nhà nước.</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
II	<b>Cổ tức, lợi nhuận</b>			
1	<p>Điểm a khoản 4 Điều 1 Dự thảo: “Bổ sung, sửa đổi Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP”</p> <p>a) Bổ sung điểm g, h, i khoản 2 Điều 21 như sau:</p> <p>“g) Trường hợp khoản cổ tức được chia bằng tiền phát sinh sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần mà chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của đơn vị nhận vốn góp về việc chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền (từ nguồn lợi nhuận có nguồn gốc của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mà nguồn chia cổ tức chưa được xác định vào giá trị doanh nghiệp và chưa tính vào phương án xác định giá khởi điểm), doanh nghiệp cổ phần hóa chi đạo Người đại diện vốn có ý kiến đề nghị đơn vị nhận vốn góp ra Nghị quyết phân phối lợi nhuận (trong trường hợp chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp) hoặc đề nghị công ty cổ phần thuyết minh rõ tại Biên bản bàn giao tài sản, vốn giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần, sau này đơn vị nhận vốn góp có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền thì toàn bộ số cổ tức, lợi nhuận được chia này sẽ thuộc Nhà nước hoặc thuộc Doanh nghiệp do</p>	EVN	<p>- (i) Đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>a) <i>Bổ sung điểm g, h, i khoản 2 Điều 21 như sau:</i></p> <p>“g) <u>Trường hợp chia cổ tức bằng tiền:</u>  <i>Trường hợp khoản cổ tức được chia bằng tiền phát sinh sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần mà chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của đơn vị nhận vốn góp về việc chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền (từ nguồn lợi nhuận có nguồn gốc của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mà nguồn chia cổ tức chưa được xác định vào giá trị doanh nghiệp và chưa tính vào phương án xác định giá khởi điểm), doanh nghiệp cổ phần hóa chi đạo Người đại diện vốn có ý kiến đề nghị đơn vị nhận vốn góp ra Nghị quyết phân phối lợi nhuận (trong trường hợp chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp). Trường hợp không chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp hoặc Người đại diện vốn đã có ý kiến đề nghị nhưng đơn vị nhận vốn góp vẫn chưa có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận, hoặc đề nghị công ty cổ phần phải thuyết minh rõ nội dung này tại Biên bản bàn giao tài sản, vốn giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần, sau này</i></p>	<p>- Đối với ý kiến (i), Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến của EVN, tuy nhiên qua rà soát Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên vì nội dung này đã được tiếp thu các ý kiến tham gia của các đơn vị đề sửa đổi và đến nay đã được sự thống nhất của các đơn vị.</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100% (trong trường hợp không chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp hoặc Người đại diện vốn đã có ý kiến đề nghị nhưng đơn vị nhận vốn góp vẫn chưa có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận). Khi công ty cổ phần nhận được khoản cổ tức, lợi nhuận được chia này, công ty cổ phần thực hiện nộp toàn bộ giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) vào ngân sách nhà nước 100% hoặc nộp về doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được cổ tức, lợi nhuận được chia.</p> <p>....</p> <p>Trường hợp tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của đơn vị nhận vốn góp về việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trên (từ nguồn lợi nhuận có nguồn gốc của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ), doanh nghiệp cổ phần hóa chỉ đạo Người đại diện vốn có ý kiến đề nghị đơn vị nhận vốn góp ra Nghị quyết phân phối lợi nhuận (trong trường hợp chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp) hoặc đề nghị công ty cổ phần thuyết minh rõ tại Biên bản bàn</p>		<p><i>đơn vị nhận vốn góp có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền thì toàn bộ số cổ tức, lợi nhuận được chia này sẽ thuộc Nhà nước hoặc thuộc Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100% (trong trường hợp không chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp hoặc Người đại diện vốn đã có ý kiến đề nghị nhưng đơn vị nhận vốn góp vẫn chưa có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận). Khi công ty cổ phần nhận được khoản cổ tức, lợi nhuận được chia này, công ty cổ phần thực hiện nộp toàn bộ giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) vào ngân sách nhà nước 100% hoặc nộp về doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được cổ tức, lợi nhuận được chia.</i></p> <p><i>Trường hợp chia cổ tức bằng cổ phiếu:</i>  <i>Trường hợp các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu phát sinh sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ...</i>  <i>Trường hợp tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của đơn vị nhận vốn góp về việc chia cổ tức bằng cổ phiếu (từ nguồn lợi nhuận có nguồn gốc của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ),</i></p>	



STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p><b>giao tài sản, vốn giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần</b>, sau này đơn vị nhận vốn góp có Nghị quyết chia cổ tức thì toàn bộ số cổ tức được chia bằng cổ phiếu này sẽ thuộc Nhà nước hoặc thuộc Công ty mẹ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100% (trong trường hợp không chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp hoặc Người đại diện vốn đã có ý kiến đề nghị nhưng đơn vị nhận vốn góp vẫn chưa có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận). Khi công ty cổ phần chuyển nhượng các cổ phiếu này, công ty cổ phần thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước hoặc nộp về Công ty mẹ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100% giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) và các chi phí để thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật sau 05 ngày làm việc kể từ ngày chuyển nhượng cổ phiếu thành công.</p>		<p><i>doanh nghiệp cổ phần hóa chỉ đạo Người đại diện vốn có ý kiến đề nghị đơn vị nhận vốn góp ra Nghị quyết phân phối lợi nhuận (trong trường hợp chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp). <b>Trường hợp không chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp hoặc Người đại diện vốn đã có ý kiến đề nghị nhưng đơn vị nhận vốn góp vẫn chưa có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận, hoặc đề nghị công ty cổ phần phải thuyết minh rõ nội dung này tại Biên bản bàn giao tài sản, vốn giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần</b>, sau này đơn vị nhận vốn góp có Nghị quyết chia cổ tức thì toàn bộ số cổ tức được chia bằng cổ phiếu này sẽ thuộc Nhà nước hoặc thuộc Công ty mẹ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100% (trong trường hợp không chi phối vốn góp tại đơn vị nhận vốn góp hoặc Người đại diện vốn đã có ý kiến đề nghị nhưng đơn vị nhận vốn góp vẫn chưa có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận). Khi công ty cổ phần chuyển nhượng các cổ phiếu này, công ty cổ phần thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước hoặc nộp về Công ty mẹ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100% giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có) và các chi phí để thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật sau 05 ngày làm việc kể từ ngày</i></p>	

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>Chi phí chuyển nhượng gồm chi phí thuê tư vấn thẩm định giá, chi phí tổ chức bán đấu giá, chi phí thực hiện các thủ tục pháp lý cho việc chuyển nhượng, các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) phải nộp cho Nhà nước và các khoản chi phí khác có liên quan. Các chi phí này do Đại hội đồng cổ đông quyết định phê duyệt dự toán, quyết toán và quyết định mức chi cụ thể đảm bảo có đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>		<p><i>chuyên nhượng cổ phiếu thành công.</i>  <i>Lý do:</i> Sửa đổi, bổ sung để rõ nghĩa và loại bỏ trùng lặp.          Đề nghị xem xét tách riêng quy định trường hợp chia cổ tức bằng tiền và chia cổ tức bằng cổ phiếu tại điểm g thành hai điểm riêng biệt cho phù hợp.</p> <p>- (ii) <i>Chi phí chuyển nhượng gồm chi phí thuê tư vấn thẩm định giá, chi phí tổ chức bán đấu giá, chi phí thực hiện các thủ tục pháp lý cho việc chuyển nhượng, các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) phải nộp cho Nhà nước và các khoản chi phí khác có liên quan. Các chi phí này do Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông quyết định phê duyệt dự toán, quyết toán và quyết định mức chi cụ thể đảm bảo có đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành”.</i>  <i>Lý do:</i> Sửa đổi, bổ sung để rõ nghĩa và loại bỏ trùng lặp.          Đề nghị xem xét tách riêng quy định trường hợp chia cổ tức bằng tiền và chia cổ tức bằng cổ phiếu tại điểm g thành hai điểm riêng biệt cho phù hợp.          Quyền và trách nhiệm của ĐHCĐ đã được quy định rõ tại Luật Doanh nghiệp. Nội dung về chi phí chuyển nhượng, chi phí thuê tư vấn định giá, dự toán, quyết toán,.. là các công việc của Ban điều hành. Đồng thời, trong thực tế việc tổ chức ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến của ĐHCĐ bằng văn bản yêu cầu chặt chẽ về quy trình</p>	<p>- Đối với ý kiến (ii), Bộ Tài chính tiếp thu để hoàn chỉnh Dự thảo Nghị định.</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			thực hiện nên đòi hỏi mất nhiều thời gian. Do đó, đề xuất giao HĐQT để thực hiện phê duyệt các nội dung này.	
	<p>Điểm b khoản 4 Điều 1 Dự thảo: "<i>Bổ sung, sửa đổi Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP</i>"</p> <p>Căn cứ kết quả của Kiểm toán nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần, xác định số phải nộp bổ sung theo quy định về ngân sách nhà nước (nếu có)</p>	EVN	<p>Đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung như sau: "<i>Căn cứ kết quả của Kiểm toán nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần, xác định số phải nộp bổ sung theo quy định về ngân sách nhà nước (nếu có) (trong trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa là doanh nghiệp nhà nước) hoặc nộp về Công ty mẹ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa là doanh nghiệp cấp II)</i>".</p> <p>Lý do: Đề phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định 148/2021/NĐ-CP</p>	Tiếp thu để hoàn chỉnh Dự thảo
	<p>Khoản 5 Điều 1 Dự thảo: "<i>Sửa đổi, bổ sung tại gạch đầu dòng thứ 15 điểm a khoản 4 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP</i>"</p> <p>"Xem xét và đề xuất với cơ quan đại diện chủ sở hữu cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp cổ phần hóa (đối với doanh nghiệp nhà nước) hoặc Hội đồng thành viên/Chủ tịch doanh nghiệp nhà nước (đối với doanh nghiệp cấp II)".</p>	EVN	<p>Đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung như sau: "<i>Xem xét và đề xuất với cơ quan đại diện chủ sở hữu <del>cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp cổ phần hóa</del> (đối với doanh nghiệp nhà nước) hoặc Hội đồng thành viên/Chủ tịch doanh nghiệp nhà nước (đối với doanh nghiệp cấp II) về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại doanh nghiệp cổ phần hóa</i>".</p>	Tiếp thu hoàn chỉnh Dự thảo Nghị định
	<p>Nội dung tại điểm a khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung điểm g khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP)</p>	KTNN	<p>+ "g) Trường hợp khoản <i>cổ tức được chia bằng tiền</i> phát sinh sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp...": Đề nghị nghiên cứu, biên tập bổ sung thành "<i>cổ tức, lợi</i></p>	Tiếp thu hoàn chỉnh Dự thảo Nghị định

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p><b>nhuận được chia bằng tiên”</b> để đảm bảo tính bao quát.</p> <p>+ “...sau này đơn vị nhận vốn góp có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiên thì toàn bộ số cổ tức, lợi nhuận được chia này sẽ thuộc Nhà nước hoặc thuộc Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100%...” và “... thì toàn bộ số cổ tức được chia bằng cổ phiếu này sẽ thuộc Nhà nước hoặc thuộc Công ty mẹ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100%”...: Đề nghị nghiên cứu, biên tập lược bỏ từ “100%” do đã có từ “toàn bộ” ở trước đó.</p> <p>+ “Các tổ chức nhận vốn góp của doanh nghiệp trên cơ sở yêu cầu của doanh nghiệp thông qua đại diện vốn, xác định số cổ phiếu được chia thuộc quyền sở hữu của nhà nước”: Đề nghị nghiên cứu, biên tập bổ sung “<b>hoặc thuộc sở hữu của Công ty mẹ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>” để đảm bảo phù hợp với trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II.</p> <p>+ “<b>Cơ quan đại diện chủ sở hữu</b> có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo, có ý kiến đối với Người đại diện vốn góp tại các trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 21 Nghị</p>	

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>định số 126/2017/NĐ-CP. ": Đề nghị nghiên cứu, biên tập thành "<b>Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc Công ty mẹ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II)</b>" để đảm bảo phù hợp với việc cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II.</p> <p>+ "... (từ nguồn lợi nhuận có nguồn gốc của <b>doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>),...": Đề nghị nghiên cứu, biên tập thành "<b>doanh nghiệp cổ phần hóa</b>" để đảm bảo bao quát trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II.</p>	
	<p>Nội dung tại điểm b khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi khoản 4 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP)</p>	KTNN	<p>(i) Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể liên quan đến trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu trong công tác chuẩn bị hồ Sơ quyết toán cổ phần hóa và tài liệu có liên quan để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ, tài liệu.</p> <p>(ii) Đối với nội dung đề nghị Kiểm toán nhà nước kiểm toán hồ sơ quyết toán cổ phần hóa: Đề nghị nghiên cứu, biên tập để đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 (được sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà</p>	<p>- Ý kiến (i) Bộ Tài chính tiếp thu để hoàn chỉnh Dự thảo, bổ sung như sau: "Doanh nghiệp cổ phần hóa và cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm giải trình, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan <b>đảm bảo tính đầy đủ, chính xác hồ sơ, tài liệu</b> đến công tác quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề tài chính trước khi phê duyệt quyết toán theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước."</p> <p>- Ý kiến (ii) và (iii) Bộ Tài chính tiếp thu để hoàn chỉnh Dự thảo.</p> <p>- Đối với ý kiến đề nghị nghiên cứu, sửa đổi quy định hiện hành tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên để đảm bảo việc kiểm toán kết quả định giá doanh nghiệp nằm trong thời gian cho phép phải công bố giá trị doanh nghiệp</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>nước số 55/2019/QH14)<sup>2</sup>.</p> <p>+ Đối với nội dung “Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm toán hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Thời gian hoàn thành, công bố kết quả kiểm toán không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày tiến hành kiểm toán. Kiểm toán nhà nước chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật.” tại trang 4-5 dự thảo: Đề nghị không quy định thời hạn Kiểm toán nhà nước tổ chức thực hiện kiểm toán, thời hạn công bố kết quả kiểm toán do thời gian Kiểm toán nhà nước ban hành quyết định kiểm toán, tổ chức thực hiện kiểm toán, phát hành báo cáo kiểm toán, công bố kết quả kiểm toán được quy định tại Luật Kiểm toán nhà nước và các quy trình của Kiểm toán nhà nước.</p> <p>Tương tự, đề nghị nghiên cứu, sửa đổi quy định hiện hành tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP<sup>3</sup> về trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước đối với việc kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính doanh nghiệp cổ phần hóa nhằm đảm bảo phù hợp quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và các quy trình của Kiểm toán nhà nước.</p>	<p>cổ phần hóa vì nếu không quy định thời gian thực hiện kiểm toán kết quả định giá doanh nghiệp sẽ dẫn đến phải điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, đồng thời tiến hành kiểm điểm, xử lý trách nhiệm và bồi thường vật chất các chi phí phát sinh trong việc kéo dài thời gian công bố giá trị doanh nghiệp.</p>
	Đoạn 3 điểm a khoản 4 Điều 1	TCT Phát triển nhà	Đoạn 3 của điểm a Khoản 4 Điều 1 của dự thảo quy định “công ty cổ phần chuyên	Nội dung này, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên để doanh nghiệp chủ động trong việc thực hiện

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		và đô thị	<p>nhượng các cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu) thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước hoặc nộp về Công ty mẹ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (trong trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cấp II) 100% giá trị thu được sau khi trừ nghĩa vụ thuế (nếu có)" và "doanh nghiệp cổ phần chủ động trong việc thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình đảm bảo việc chuyển nhượng đúng quy định của pháp luật". Tổng công ty đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại việc quy định cho doanh nghiệp (đã thoái vốn) được chủ động bán/chuyển nhượng cổ phiếu (được chia cổ tức bằng cổ phiếu) và nộp tiền về ngân sách (hoặc công ty mẹ trước đây) hoặc có hướng dẫn về giá bán/chuyển nhượng để thống nhất áp dụng, tránh thất thoát ngân sách.</p>	<p>chuyển nhượng cổ phiếu phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán.</p>
<b>III</b>	<b>Các ý kiến khác</b>			
2	<p>Khoản 4 Điều 15 Nghị định 148/2021/NĐ-CP Chưa có trong Dự thảo Nghị định</p>	EVN	<p>Đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung như sau: "<i>... Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các khoản thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp cấp 2 thuộc trung ương và địa phương (bao gồm cả doanh nghiệp cấp 2 đã hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu nhưng chưa chính thức chuyển thành công ty cổ phần trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành) sau khi trừ các khoản chi liên quan đến cổ phần hóa (gồm: giá vốn là giá trị sổ sách của doanh nghiệp</i></p>	<p>Nội dung này đề nghị đưa vào Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 148/2021/NĐ-CP</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<i>cấp 1, chi phí xử lý lao động dôi dư, tinh giản biên chế, ưu đãi cho người lao động, chi phí cổ phần hóa và nghĩa vụ thuế theo quy định nếu có) mà chưa thực hiện nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp thì được hạch toán vào kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp cấp 1..."</i>	
	Phụ lục mẫu Biên bản bàn giao vốn, tài sản, lao động từ doanh nghiệp cổ phần hóa sang ty cổ phần	EVN	Đề nghị xem xét, bổ sung mẫu biểu Biên bản bàn giao vốn, tài sản, lao động từ doanh nghiệp cổ phần hóa sang ty cổ phần để các doanh nghiệp cổ phần hóa có cơ sở thực hiện đồng bộ, thống nhất các nội dung, trình tự và phương thức khi bàn giao sang công ty cổ phần.	Tại Điều 9 Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đã hướng dẫn cụ thể việc bàn giao giữa doanh nghiệp cổ phần hóa và công ty cổ phần, trong đó bao gồm hồ sơ bàn giao, thành phần bàn giao, các nội dung phải có trong Biên bản bàn giao. Do đó, đề nghị thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 46/2021/TT-BTC.
	Nội dung một số quy định tại các Điều 1, 2 của dự thảo Nghị định	KTNN	Nội dung một số quy định tại các Điều 1, 2 của dự thảo Nghị định hiện tiếp tục sử dụng cụm từ "doanh nghiệp nhà nước" trong khi khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP đã thay thế cụm từ "doanh nghiệp nhà nước" tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP bằng cụm từ "doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ", vì vậy đề nghị rà soát, làm rõ và chỉnh sửa (nếu cần thiết) để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu để hoàn chỉnh Dự thảo
	Nội dung Điều 1 dự thảo Nghị định	KTNN	Nội dung Điều 1 dự thảo Nghị định đang	Tiếp thu để hoàn chỉnh Dự thảo



STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>sử dụng cụm từ “Công ty mẹ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ” đồng thời với cụm từ “Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”: Đề đảm bảo tính rõ ràng, đề nghị nghiên cứu, biên tập đề sử dụng thống nhất một cụm từ hoặc có thể biên tập theo hướng “Công ty mẹ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.</p>	
		<p><b>TCT Công nghiệp In – Bao bì Liksin – TNHH MTV</b></p>	<p>(1) Những vụ việc các doanh nghiệp nhà nước bị xử lý trong thời gian qua đa phần có liên quan đến đất đai, cụ thể là liên quan đến việc góp vốn hay chuyển nhượng cổ phần của doanh nghiệp nhà nước nhưng không tiến hành đầu giá để xác định giá trị quyền sử dụng đất, điều này dẫn đến việc thất thoát tài sản của Nhà nước, còn người thực hiện thì vướng vào vòng lao lý. Điển hình các vụ việc doanh nghiệp sở hữu các khu đất vàng đã bán rẻ cổ phần cho doanh nghiệp tư nhân; hay như vụ việc chuyển nhượng dự án liên quan đến các khu đất tại quận 4. Do vậy, dự thảo Nghị định mới về cổ phần hóa cần có cơ chế để kiểm soát vấn đề này.</p> <p>(2) Các doanh nghiệp tư nhân khi mua cổ phần của doanh nghiệp nhà nước thì chủ yếu nhắm vào giá trị của các khu đất, nếu pháp luật không cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất thuê chuyển sang đất ở thì sẽ rất khó để thu hút các nhà đầu tư để mua cổ phần vì không còn địa tô chênh</p>	<p>Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến đóng góp của TCT Công nghiệp In – Bao bì Liksin – TNHH MTV. Tuy nhiên, để có cơ sở thực hiện, đề nghị TCT Công nghiệp In – Bao bì Liksin có ý kiến đóng góp cụ thể và đề xuất hướng xử lý cụ thể tại từng điều, khoản của Dự thảo Nghị định để Bộ Tài chính xem xét, nghiên cứu và sửa đổi, sát với thực tế.</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>lệch. Do vậy, dự thảo Nghị định mới về cổ phần hóa cũng cần có biện pháp để giải quyết bài toán này.</p> <p>(3) Việc định giá giá trị của đất đai vào trong giá trị doanh nghiệp là vấn đề gặp nhiều rủi ro. Khi mà vấn đề pháp lý về đất đai không rõ ràng, diễn hình việc Liksin thuê đất từ thời điểm Luật đất đai 2003, nhưng đến nay chưa có số đo tranh chấp với đơn vị hạ tầng khu công nghiệp. Luật đất đai trải qua nhiều thời kỳ, giá thuê đất có nhiều thay đổi. Do vậy, dự thảo cần bổ sung trường hợp “đất đai đang có tranh chấp về nguồn gốc sử dụng đất” thì việc định giá giá trị của đất đai sẽ được xác định như thế nào?</p>	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Phụ lục 2

**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC NGHỊ ĐỊNH SỐ 91/2015/; 32/2018/NĐ-CP VÀ 140/2020/NĐ-CP**  
(Kèm theo công văn số 2531 /BTC-TCDN ngày 28 /02 /2025 của Bộ Tài chính)

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<b>Điều 2 DTNĐ</b>			
1	Khoản 1 Điều 2 DTNĐ	- Sở Tài chính Hà Tĩnh - Sở Tài chính Phú Yên - Cục QLCS	Tại khoản 1 Điều 2 DTNĐ đề nghị bổ sung đối tượng “Doanh nghiệp có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch” vào danh mục doanh nghiệp được nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước. <u>Lý do:</u> Đảm bảo phù hợp với quy định về giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp có vốn nhà nước có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch tại Điều 6 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Việc tiếp nhận tài sản công yêu cầu tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, theo đó các doanh nghiệp này phải thuộc đối tượng tăng vốn để đảm bảo việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo đúng quy định.	Tương tự nội dung Bộ Tài chính đã giải trình ý kiến của Văn phòng Chính phủ tại Phụ lục kèm theo công văn xin ý kiến số 1211/BTC-TCDN ngày 24/01/2025.
2	Khổ 5 khoản 2 Điều 2 DTNĐ	- KTNN - STC Điện Biên. - EVN	(i) “- Giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm được xác định theo thời hạn thuê đất còn lại và chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác	Bộ Tài chính đã tiếp thu và hoàn thiện tại DTNĐ, cụ thể: - Bỏ quy định về việc chỉ tính chênh

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		<p>- Cục QLCS - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)</p>	<p><i>định tại thời điểm xác định giá khởi điểm với tiền thuê đất tính theo giá đất mà doanh nghiệp khác đang thực hiện trả tiền thuê đất.</i> " Đề nghị nghiên cứu, biên tập để làm rõ hơn khoản chênh lệch này là chênh lệch dương của tiền thuê đất tính theo giá đất xác định lại sau khi trừ đi tiền thuê đất đang trả (KTNN).</p> <p>(ii) Đề nghị bỏ nội dung tại khổ văn bản số 6 "Hết thời hạn thuê đất, ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thu hồi để thực hiện đấu giá quyền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai", do nội dung này trùng với nội dung tại khổ văn bản số (STC Điện Biên, EVN)</p> <p>(iii) Về việc lược bỏ nội dung "Thời hạn thuê đất còn lại làm cơ sở tính toán giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm là thời gian còn lại trong chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất 05 năm theo quy định của pháp luật đất đai. Trường hợp doanh nghiệp đã ký hợp đồng thuê đất nhưng hết hạn thời gian ổn định đơn giá thuê đất mà doanh nghiệp chưa ký lại hợp đồng thì thời hạn thuê đất còn lại được xác định là 05 năm." theo quan điểm của VAE là chưa phù hợp do theo quy định hiện "Việc xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất phải thực hiện theo quy định tại Điều 158 Luật Đất đai và các điều 4, 5, 6, 7 của Nghị định này, kết quả tổng hợp, phân tích thông tin về giá đất thị trường: kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành: các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai, các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất". Do đó, việc tính toán theo thời gian còn lại trong chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất 05 năm theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành là phù hợp. Khi sang chu kỳ ổn định thuê tiếp theo, giá đất tính tiền thuê đất đã được</p>	<p>lệch (giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định và tiền thuê đất doanh nghiệp đang trả) trong 05 năm theo chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất, thay vào đó sẽ tính chênh lệch trong toàn bộ thời hạn thuê đất còn lại.</p> <p>- Ngoài ra, để đảm bảo tính đúng, tính đủ đối với trường hợp có thời hạn thuê đất còn lại ngắn, dẫn đến giá trị chênh lệch không đáng kể, nhưng doanh nghiệp vẫn tiếp tục được gia hạn quyền thuê sau khi hết hạn, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định như sau: "Đối với trường hợp hợp đồng thuê đất hết thời hạn, không có hợp đồng thuê đất, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm rà soát, thu hồi, đấu giá quyền thuê đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp, sau khi chuyển nhượng vốn doanh nghiệp vẫn tiếp tục được thuê không qua đấu giá quyền thuê, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tính chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm doanh nghiệp được tiếp tục thuê đất với tiền thuê đất tính theo giá đất</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>tính căn cứ vào bảng giá đất của năm xác định tiền thuê đất tiếp theo, bảng giá đất theo quy định phải đảm bảo theo nguyên tắc thị trường về phương pháp và thông tin đầu vào. Như vậy, doanh nghiệp không còn lợi thế về chênh lệch (nếu có) này so với tiền thuê đất tính theo giá đất mà doanh nghiệp đang thực hiện (VAE).</p> <p>(iv) Về việc quy định Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thu hồi đối với trường hợp hợp đồng thuê đất hết thời hạn, không có hợp đồng thuê đất có thể gây ảnh hưởng đến kết quả thẩm định giá và tiến độ thực hiện trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp, giá khởi điểm phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp này (VAE).</p> <p>(v) Về quy định sau khi chuyển nhượng vốn doanh nghiệp vẫn tiếp tục được thuê không qua đấu giá quyền thuê, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tính chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất tính theo giá đất do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm doanh nghiệp được tiếp tục thuê đất với tiền thuê đất tính theo giá đất mà doanh nghiệp đang thực hiện trả tiền thuê đất để nộp ngân sách nhà nước. Đề nghị Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính làm rõ và phân biệt về khái niệm, cơ sở của các nội dung.</p> <p>(vi) Mặt khác, đề nghị nghiên cứu, rà soát để đảm bảo bao quát trường hợp tiền thuê đất xác định lại có chênh lệch với tiền thuê đất đang trả do các nguyên nhân ngoài chênh lệch về giá đất (ví dụ như: thay đổi về tỷ lệ % tính tiền thuê đất ban hành bởi các địa phương, chênh lệch về diện tích sử dụng thực tế với diện tích trên hợp đồng cho thuê đất). (KTNN)</p>	<p><i>mà doanh nghiệp đang thực hiện trả tiền thuê đất để nộp ngân sách nhà nước.</i></p> <p><i>Trường hợp tổ chức tư vấn xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm với giá định quyền thuê đất được gia hạn sau khi hết thời hạn thuê đất, thì sau khi hết thời hạn thuê đất, việc gia hạn quyền thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai”.</i></p> <p>- Đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất: Để tránh trường hợp doanh nghiệp sau khi chuyển nhượng không còn đáp ứng điều kiện được miễn tiền thuê đất, trong khi chưa tính giá trị quyền sử dụng đất thuê khi chuyển nhượng vốn, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định như sau “<i>Đối với diện tích đất được miễn tiền thuê đất nhưng không còn đáp ứng điều kiện để được miễn tiền thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, tính tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</i>”</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				<p>- Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên tại DTND vì khoản 2 Điều 2 đã quy định "<i>Chi thực hiện xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm đối với diện tích đất của doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước đã và đang trực tiếp ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>", không tính theo diện tích sử dụng. Ngoài ra, việc thay đổi tỷ lệ % tính tiền thuê đất nếu dẫn đến chênh lệch cũng được tính vào giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn.</p>
3	Khoản 4 Điều 2 DTND	KTNN	Đề nghị nghiên cứu, biên tập tương tự ý kiến với nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung cho điểm d khoản 1 Điều 29 đã nêu; ngoài ra với cụm từ " <i>doanh nghiệp khác</i> " đề nghị nghiên cứu có thể biên tập theo hướng " <i>doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước</i> " để đảm bảo phù hợp với đối tượng của quy định.	- Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện tại DTND.
4	Khô 4 khoản 4 Điều 2 Dự thảo: " <i>Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 18 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP</i> " Hết thời hạn thuê đất, Ủy	EVN	Đề nghị bỏ do trùng lặp với khô 5 của Dự thảo	- Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện tại DTND.

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<u>ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thu hồi để thực hiện đấu giá quyền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai</u>			
5	Khoản 5 Điều 2 DTND	Sở Tài chính Thái Bình	<p>- Theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 16/2023/TT-BTC quy định “Đối với các doanh nghiệp không có nhu cầu bổ sung vốn điều lệ hoặc không lập phương án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm rà soát, quyết định và chỉ đạo doanh nghiệp thực hiện nộp phần chênh lệch giữa nguồn vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước, việc nộp phần chênh lệch này không làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và nghĩa vụ trả nợ của doanh nghiệp”.</p> <p>Việc quy định nộp tiền chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước chưa phù hợp với những doanh nghiệp đã sử dụng nguồn bổ sung vốn điều lệ để đầu tư xây dựng công trình hoàn thành hoặc tăng nguồn vốn chủ sở hữu do nhận tài sản bàn giao được đầu tư từ ngân sách nhà nước, một số doanh nghiệp có thể không có khả năng nộp phần chênh lệch. Đề nghị Bộ tài chính hướng dẫn nội dung “<i>việc nộp phần chênh lệch này không làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và nghĩa vụ trả nợ của doanh nghiệp</i>”.</p>	<p>Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như DTND vì lý do sau:</p> <p>+ Quy định về nộp chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ đã được quy định rõ tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP. Mặt khác, khi doanh nghiệp tiếp nhận tài sản từ nơi khác chuyển đến được đầu tư bằng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước doanh nghiệp căn cứ vào quyết định điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền để thực hiện ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.</p> <p>+ Trường hợp, sử dụng nguồn bổ sung vốn điều lệ (Quý đầu tư phát triển) để xây dựng công trình, nhưng chưa nằm trong phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt là không phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp</p>
6	Khoản 5 Điều 2	UBND Tỉnh Kon Tum	Đối với nội dung tại khoản 5 Điều 2 Dự thảo Nghị định, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung hướng dẫn hoặc quy định chuyển tiếp đối với trường hợp địa phương đã thực hiện lập phương	Bộ Tài chính tiếp thu, bổ sung điều khoản chuyển tiếp tại DTND theo hướng: “ <i>Đối với phương án đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt,</i>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 10 tháng 07 năm 2021 của Bộ Tài chính, gửi Thủ tướng Chính phủ cho chủ trương, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa nhận được ý kiến của Thủ tướng Chính phủ để tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định.</p>	<p><i>quyết định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt."</i></p>
7	<p>Khoản 6 Điều 2</p> <p>6. Bổ sung khoản 6a, 6b Điều 42 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP nội dung sau</p> <p>"6a. Đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ có nhu cầu bổ sung vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc quyết định đầu tư bổ sung từ nguồn vốn tại doanh nghiệp (Quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần, đầu tư xây</p>	<p>- Sở Tài chính Thái Bình</p>	<p>Đề nghị sửa Mục 6 Điều 2 của dự thảo Nghị định, để tạo điều kiện cho các địa phương để thực hiện:</p> <p>+ Khô 1 thành: Đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ có nhu cầu bổ sung vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ: <b>cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư bổ sung từ nguồn vốn tại doanh nghiệp</b> (Quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần, đầu tư xây dựng cơ bản). Trình tự, thủ tục ...</p> <p>+ Khô 2: Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu xem xét lại nội dung <b>"chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và</b></p>	<p>Bộ Tài chính tiếp thu, hoàn chỉnh tại DTND theo hướng:</p> <p><i>"Các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thuộc các ngành, lĩnh vực nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ có nhu cầu bổ sung vốn từ nguồn vốn tại doanh nghiệp (Quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần, đầu tư xây dựng cơ bản) để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ: cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đối với công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý. Trình tự, thủ tục ..."</i></p> <p>- Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như DTND vì đây là vướng mắc trong tổ chức</p>



STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>dụng cơ bản) ...</p> <p>6b. Đối với các doanh nghiệp không thuộc các ngành, lĩnh vực nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ có nhu cầu bổ sung vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyên giao về Tổng công ty Dầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để thực hiện đầu tư hoặc thoái vốn theo quy định của pháp luật”.</p>	<p>- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam</p>	<p><b>kinh doanh vốn nhà nước để thực hiện đầu tư hoặc thoái vốn theo quy định của pháp luật”</b> do hiện nay khoản nợ cổ phần hóa trước đây đã bàn giao hồ sơ cho Tổng công ty Dầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại các tỉnh đang gặp khó khăn, Sở Tài chính Thái Bình đã có Công văn số 2822/STC-TCĐN ngày 04/10/2024 gửi Bộ Tài chính yêu cầu Tổng công ty Dầu tư và kinh doanh vốn nhà nước cung cấp hồ sơ để xác định chính xác khoản nợ nộp vào ngân sách địa phương.</p> <p>+ Đối với Tổng công ty, nguồn vốn tại doanh nghiệp ngoài Quỹ đầu tư phát triển còn có nguồn vốn khác là nguồn vốn hình thành do nhận bàn giao từ tài sản Nhà nước bao gồm các tài sản nhận từ quỹ viễn thông công ích, tài trợ từ các quỹ tổ chức nước ngoài, tài sản nhận bàn giao từ các cơ quan chính quyền địa phương. Do đó, Tổng công ty đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>6. Bổ sung khoản 6a, 6b Điều 42 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP nội dung sau</p> <p><u>“6a. Đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ có nhu cầu bổ sung vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc quyết định đầu tư bổ sung từ nguồn vốn tại doanh nghiệp (Quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần, đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn vốn khác). Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị bổ sung vốn nhà nước, đầu tư bổ sung vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 13,</u></p>	<p>thực hiện. Đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp triển khai thực hiện.</p> <p>+ Nội dung tại khoản 6 Điều 2 DTND áp dụng đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước, không áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<u>Điều 14 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, khoản 9 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.</u>	
8	<p>Khoản 7 Điều 2 DTND</p> <p>7. Bổ sung khoản 7 Điều 42 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP như sau:</p> <p>“7. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu đã ban hành quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ:</p> <p>a. Cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ sung báo cáo về quá trình đầu tư, bổ sung vốn điều lệ, nguồn bổ sung vốn điều lệ và mức vốn điều lệ được phê duyệt gần nhất trước thời điểm xác định lại theo quy định pháp luật trong từng thời kỳ tại nội dung báo cáo Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu báo cáo. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho</p>	- STC Nam Định	<p>1. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét đối với nội dung quy định tại khoản 7 Điều 2 dự thảo Nghị định (không bao gồm trường hợp được quy định tại khoản 6 Điều 15 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp) với lý do sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 15 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ là Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>- Tuy nhiên, Khoản 6 Điều 15 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định: “6. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí đánh giá hiệu quả, trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp đang hoạt động.”</li> <li>- Tại gạch đầu dòng thứ 2, điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2015/NĐCP quy định: “...- Căn cứ ý kiến tham gia bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan đại diện chủ sở hữu hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh mức vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc doanh nghiệp có mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng tương đương mức vốn thuộc dự án quan trọng của quốc gia sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư”. Theo đó, việc điều chỉnh mức vốn điều lệ của các công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập không thuộc trường hợp phải trình Thủ tướng chính phủ xem xét quyết định.</li> </ul> <p>Đến ngày 30/11/2020, nội dung quy định tại điểm b</p>	<p>1. Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên tại DTND vì lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 15 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định hoặc quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động.</li> <li>- Mặt khác, điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã quy định thẩm quyền quyết định bổ sung vốn điều lệ là Thủ tướng Chính phủ.</li> </ul>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>doanh nghiệp đúng quy định về phạm vi, đối tượng, mức vốn điều lệ và nguồn bổ sung vốn điều lệ nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương trước khi quyết định, cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ sung báo cáo quá trình tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, đồng thời cần khẳng định và cam kết việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ đảm bảo bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trên cơ sở đó xác định vốn điều lệ gần nhất trước thời điểm xác định lại để xây dựng phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho giai đoạn tiếp theo.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp không thuộc phạm vi được đầu tư bổ sung vốn điều lệ, quyết định sử dụng nguồn bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp hoặc xác định mức vốn điều lệ chưa đúng quy định, cơ quan đại</p>	<p>- Sở Tài chính Phú Thọ</p>	<p>khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Tại điểm a khoản 7 dự thảo Nghị định có nêu trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu đã ban hành quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư vốn điều lệ thì “Cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ sung báo cáo về quá trình đầu tư, bổ sung vốn điều lệ... Trên cơ sở đó xác định vốn điều lệ gần nhất trước thời điểm xác định lại để xây dựng phương án cho giai đoạn tiếp theo.” Tuy nhiên tại điểm b khoản 7 dự thảo Nghị định có ghi “Việc xác định mức vốn điều lệ xác định lại và nguồn bổ sung vốn điều lệ, trình tự, thủ tục lập và phê duyệt phương án bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 19 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung tại khoản 3,6 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 5,6 và khoản 11 Điều 2 nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ.”</p> <p>2. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét quy định, hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp này nhằm tháo gỡ cho các địa phương và đề nghị Bộ Tài chính xem xét, báo cáo Chính phủ phân cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương, trình tự, thủ tục đầu tư vốn bổ sung cho cơ quan đại diện chủ sở hữu (UBND cấp tỉnh) từ nguồn ngân sách địa phương để địa phương chủ động và kịp thời trong việc xem xét đầu tư bổ sung vốn đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư trực tiếp do địa phương quyết định thành lập để phù hợp với quy định của Luật đầu tư công, các dự án đầu tư đều phải được chính quyền địa phương</p>	<p>2. Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên tại D1NĐ vì lý do: Việc đề xuất “<u>phân cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương, trình tự, thủ tục đầu tư vốn bổ sung cho cơ quan đại diện chủ sở hữu (UBND cấp tỉnh) từ nguồn ngân sách địa phương để địa phương chủ động và kịp thời trong việc xem xét đầu tư bổ sung vốn đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư trực tiếp do địa phương quyết định thành lập để phù hợp với quy định của Luật đầu tư công, ...</u>” là không phù hợp với quy định tại khoản</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>diện chủ sở hữu bổ sung báo cáo việc xử lý đối với các nội dung chưa thực hiện đúng quy định; việc thu hồi các nguồn vốn đầu tư chưa đúng (nếu có) để đảm bảo không làm thất thoát vốn nhà nước và việc xử lý, kiểm điểm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan. Trên cơ sở đó xác định vốn điều lệ gần nhất trước thời điểm xác định lại để xây dựng phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho giai đoạn tiếp theo.</p> <p>b. Việc xác định mức vốn điều lệ xác định lại và nguồn bổ sung vốn điều lệ; trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 19 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung tại khoản 3, 6 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 5, 6 và khoản 11 Điều 2 Nghị định số</p>	<p>- UBND TP Huế</p>	<p>phê duyệt chủ trương đầu tư, để tăng cường phân cấp cho chính quyền địa phương, phù hợp với phân cấp của Luật đầu tư công và tránh trùng lặp với một khoản đầu tư từ ngân sách địa phương cho doanh nghiệp không phải 2 lần phê duyệt chủ trương.</p> <p>- điểm g khoản 2.2.2 Mục IV của dự thảo Tờ trình "Về quy định hướng dẫn đối với trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu đã đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ":</p> <p>+ Về tình hình địa phương có liên quan nội dung này:</p> <p>Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế) đã xây dựng Phương án bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2023 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương lần đầu tiên tại Báo cáo số 374/BC-UBND ngày 20/10/2021, hoàn chỉnh các nội dung theo chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Báo cáo số 517/BC-UBND ngày 23/12/2021 và được Bộ Tài chính với tư cách là cơ quan chủ trì thẩm định đã thống nhất Phương án của UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 3947/BTC-TCDN ngày 05/5/2022. Từ đó đến nay, UBND thành phố đã có các báo cáo tiếp thu và giải trình về Phương án rồi chuyển tiếp số liệu (do quá giai đoạn) sang xây dựng Phương án giai đoạn 2021-2025 nhưng đến nay vẫn chưa được phê duyệt chủ trương (báo cáo gần nhất tại Báo cáo số 622/BC-UBND ngày</p>	<p>5 Điều 15 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>Trên cơ sở ý kiến tham gia của các tỉnh, ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại công văn số 9668/VPCP-ĐMDN ngày 30/12/2024, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung tại DTND như sau:</p> <p><i>"7. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu đã ban hành quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ:</i></p> <p><i>a. Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện rà soát toàn bộ quá trình đầu tư, bổ sung vốn điều lệ, phạm vi đầu tư bổ sung vốn điều lệ, nguồn bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ để xác định vốn nhà nước đã đầu tư thực tế tại doanh nghiệp tại ngày 31/12/2024. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp đúng quy định về phạm vi, đối tượng, mức vốn điều lệ và nguồn</i></p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	140/2020/NĐ-CP của Chính phủ.”		<p>19/12/2024 nhưng đến nay Bộ Tài chính chưa có ý kiến), mặc dù UBND thành phố đã thực hiện đầy đủ những nội dung (theo yêu cầu của Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ) như dự thảo tại Nghị định sửa đổi, bổ sung lần này "1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ sung báo cáo về quá trình đầu tư, bổ sung vốn điều lệ, nguồn bổ sung vốn điều lệ và mức vốn điều lệ được phê duyệt gần nhất trước thời điểm xác định lại theo quy định pháp luật trong từng thời kỳ tại nội dung báo cáo Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu báo cáo. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp dùng quy định về phạm vi, đối tượng, mức vốn điều lệ và nguồn bổ sung vốn điều lệ nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương trước khi quyết định, cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ sung báo cáo quá trình tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, đồng thời cam kết định và cam kết việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ đảm bảo bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trên cơ sở đó xác định vốn điều lệ gần nhất trước thời điểm xác định lại để xây dựng phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho giai đoạn tiếp theo". Vì vậy địa phương quan tâm đến việc khi Nghị định sửa đổi, bổ sung này được chính thức ban hành thì trường hợp địa phương đã đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, mặc dù đã "khẳng định và cam kết việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ đảm bảo bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp" và "chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu báo cáo" trong giai đoạn trước khi Nghị định này có hiệu lực thì hành thì thực hiện như</p>	<p><i>bổ sung vốn điều lệ, cơ quan đại diện chủ sở hữu tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, đồng thời cam kết định và cam kết việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ đảm bảo bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trên cơ sở đó xác định vốn điều lệ gần nhất trước thời điểm xác định lại để xây dựng phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho giai đoạn tiếp theo.</i></p> <p><i>Trường hợp doanh nghiệp không thuộc phạm vi được đầu tư bổ sung vốn điều lệ, quyết định sử dụng nguồn bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp hoặc xác định mức vốn điều lệ chưa đúng quy định, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện thu hồi các nguồn vốn đầu tư chưa đúng (nếu có) để đảm bảo không làm thất thoát vốn nhà nước và xử lý, kiểm điểm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.</i></p> <p><i>b. Việc xác định mức vốn điều lệ xác định lại và nguồn bổ sung vốn điều lệ; trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và</i></p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>thể nào, phải chăng bỏ qua giai đoạn xây dựng Phương án bổ sung vốn đi lệ từ khi Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính có hiệu lực đến khi Nghị định sửa đổi bổ sung này có hiệu lực, địa phương lại làm lại từ đầu (ít nhất là từ năm 2021) và phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương theo dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung lần này "2. Việc xác định mức vốn điều lệ xác định lại và nguồn bổ sung vốn điều lệ; trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 19 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung tại khoản 3, 6 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 5, 6 và khoản 11 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ".</p> <p>+ Vì vậy, kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét hướng dẫn cụ thể tại Nghị định về việc các Cơ quan đại diện chủ sở hữu đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương trong giai đoạn trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành; cụ thể hơn nội dung "giai đoạn tiếp theo" trong nội dung dự thảo "Trên cơ sở đó xác định vốn điều lệ gần nhất trước thời điểm xác định lại để xây dựng phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho giai đoạn tiếp theo" tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung lần này để giảm bớt những thủ tục hành chính của Chính quyền địa phương và Cơ quan đại diện chủ sở hữu và trên hết là hỗ trợ thực chất về vốn cho Doanh nghiệp nhà nước phát triển. Do thời hiệu của Nghị định này ngắn (đến khi Luật thay thế Luật số 69/2014/QH13 Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh</p>	<p><i>Điều 19 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung tại khoản 3, 6 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 5, 6 và khoản 11 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ."</i></p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p><i>ngành có hiệu lực - dự thảo Luật đã trình Quốc hội). kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, nghiên cứu thêm để không phát sinh thêm các thủ tục hành chính của Chính quyền địa phương và Cơ quan đại diện chủ sở hữu khi triển khai Nghị định sửa đổi, bổ sung lần này (trong thời gian đến khi Luật thay thế Luật số 69/2014/QH13 có hiệu lực, trong đó Luật mới dự thảo theo định hướng đẩy mạnh phân công, phân cấp cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp để giảm bớt các công việc sự vụ phải xem xét, quyết định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ).</i></p>	
	<b>Nội dung khác</b>			
9		Sở Tài chính Hà Tĩnh	<p>Đề nghị hướng dẫn trình tự bổ sung vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo hình thức tiếp nhận tài sản công</p>	<p>Đề nghị này đã được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.</p>
			<p>Đề nghị làm rõ việc có được trích quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên không thuộc đối tượng được đầu tư bổ sung vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Lý do: Quỹ ĐTPT tại doanh nghiệp được sử dụng để tái đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp (trong đó có phần vốn nhà nước). Theo đó, trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng được đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp, việc trích quỹ ĐTPT là không cần thiết</p>	<p>Đề nghị này đã được quy định tại Điều 37 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.</p>
10	Điều 2 Dự thảo: “ <i>Bổ sung khoản 5a, 5b Điều 42 Nghị</i>	EVN	<p>Đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung như sau: “<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 5a, 5b Điều 42 Nghị định</i></p>	<p>Đề nghị giữ nguyên vì lý do: - Nội dung này vừa được Chính phủ sửa đổi,</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p><i>định số 91/2015/NĐ-CP” Chưa có nội dung sửa đổi, bổ sung trong Dự thảo</i></p>		<p><i>số 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau:</i></p> <p><i>“5a. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chi đạo người đại diện phân vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước từ 50% vốn điều lệ trở lên căn cứ các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và Nghị định này để có ý kiến sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước và các quy chế quản trị nội bộ khác cho phù hợp khi quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và tổ chức thoái vốn đầu tư ở các doanh nghiệp khác.</i></p> <p><i>Trường hợp doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên xây dựng phương án chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty cổ phần ...do không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán năm 2019 thì doanh nghiệp được áp dụng quy định về chuyển nhượng cổ phần tại khoản 2 Điều 127 Luật Doanh nghiệp năm 2020 để xây dựng phương án. ..</i></p> <p><i>5b. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chi đạo người đại diện phân vốn của doanh nghiệp tại các doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ từ 50% vốn điều lệ trở lên căn cứ các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và Nghị định này để có ý kiến sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ khác cho phù hợp khi quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và tổ chức thoái vốn đầu tư ở các</i></p>	<p>bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024.</p> <p>- Nếu doanh nghiệp tiếp tục vướng mắc, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu tổng thể khi xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật thay thế Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>



STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>doanh nghiệp khác.  <i>Trường hợp doanh nghiệp do doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên xây dựng phương án chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty cổ phần... do không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán năm 2019 thì doanh nghiệp được áp dụng quy định về chuyển nhượng cổ phần tại khoản 2 Điều 127 Luật Doanh nghiệp năm 2020 để xây dựng phương án....”</i>            Lý do: Để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.</p>	
11		DATC	<p>2.1. Đề xuất bổ sung nội dung về bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP) và điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP) như sau:            - Khoản 6 Điều 9:  <i>“6. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù việc xác định mức vốn điều lệ cho các doanh nghiệp này thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Đối với các tổ chức mua bán, xử lý nợ được Chính phủ thành lập do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, việc xác định quy mô và tăng vốn điều lệ thực hiện theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, phù hợp với đặc thù năng lực và mô hình hoạt động.”</i></p> <p>- Điểm b khoản 3 Điều 11:</p>	<p>- Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên vì khoản 6 Điều 9 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định 140/2020/NĐ-CP đã quy định “<i>Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù việc xác định mức vốn điều lệ cho các doanh nghiệp này thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành</i>” đã bao hàm quy định đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực mua bán, xử lý nợ.</p> <p>- Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên vì nội</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>“b) Khi doanh nghiệp tiếp nhận tài sản từ nơi khác chuyển đến (bao gồm cả tài sản là cơ sở nhà đất) được đầu tư bằng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, ..., doanh nghiệp căn cứ vào quyết định điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền và biên bản bàn giao tài sản... thực hiện ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp...”</p> <p><b>Lý do:</b>          Đối với các tổ chức mua bán, xử lý nợ mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ (như DATC và VAMC), quy mô vốn điều lệ hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước thường hạn chế, trong khi đó các tổ chức này đã và đang phải thực hiện xử lý nợ cho nền kinh tế với quy mô lớn và rất lớn, thời gian thu hồi vốn kéo dài dẫn đến vòng quay sử dụng vốn thấp. Do đó, việc xác định quy mô vốn điều lệ, tăng vốn điều lệ của các tổ chức này căn cứ chế chính sách phù hợp với đặc thù khả năng và mô hình hoạt động và theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.</p> <p>Việc bổ sung quy định trên căn cứ vào các nội dung quy định tại Quyết định số 689/QĐ-TTG ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” và Luật các TCTD.</p> <p>+ Tiết 1 Điểm a Khoản 1 Phần III Điều 1 Quyết định 689:</p> <p><b>“III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU</b></p> <p><b>1. Nhóm giải pháp chung</b></p> <p>a) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, cơ cấu lại và xử lý nợ xấu trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, theo</p>	<p>dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP đã bao hàm các tài sản được đầu tư bằng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, việc liệt kê (trong đó có cơ sở nhà đất) có thể dẫn đến liệt kê thiếu các tài sản khác. Mặt khác, DATC cũng không thuyết minh rõ lý do kiến nghị bổ sung tài sản là cơ sở nhà đất tại điểm này; trong khi đó tại Quyết định số 689/QĐ-TTG ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ cũng không nêu giải pháp phải hoàn thiện pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p><i>thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam.</i></p> <p><i>- Về khuôn khổ pháp lý cơ cấu lại, xử lý nợ xấu của TCTD:</i></p> <p><i>+ rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về hoạt động của VAMC, Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) để tăng cường vai trò, hiệu quả xử lý nợ xấu của VAMC, DATC."</i></p> <p><i>+ Điểm c Khoản 2 Phần V Điều 1 Quyết định 689:</i></p> <p><b>"V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b></p> <p><b>2. Bộ Tài chính</b></p> <p><i>e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về phát triển thị trường mua bán nợ và quản lý giám sát thị trường mua bán nợ để hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động mua, bán và xử lý nợ xấu cũng như cơ chế khuyến khích các bên tham gia vào thị trường mua bán nợ. Đồng thời, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về hoạt động của DATC để tăng cường vai trò, hiệu quả xử lý nợ xấu."</i></p> <p>2.2. Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước tại điểm c khoản 3 Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP) như sau:</p> <p><i>" - Trường hợp sau khi đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại cuộc đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước của người từ chối kết quả đấu giá ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết</i></p>	<p>2.2. Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên vì đề nghị trên đã được quy định tại Điều 51 Luật Đấu giá và các tổ chức đấu giá có thể quy định tại quy chế đấu giá theo quy định tại các điểm b, c khoản 3 Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>quả trúng đấu giá và người trả giá liên kê chấp nhận mua tài sản đấu giá.  <i>Trường hợp giá liên kê cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liên kê không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì cuộc đấu giá không thành.</i>  <b>Lý do:</b>            Nội dung bổ sung trên được căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Đấu giá. Do pháp luật đấu giá có cơ chế cho phép và quy định điều kiện cụ thể để lựa chọn “người trả giá liên kê” nên việc vận dụng các quy định tương ứng nhằm tháo gỡ vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả thoái vốn cho các doanh nghiệp nhà nước khi chuyển nhượng vốn; đồng thời đảm bảo tính nhất quán của các văn bản quy phạm pháp luật.</p>	
12		PVN	<p>(i) Về mức trích Quỹ đầu tư phát triển:            Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 31 và điểm a khoản 3 Điều 37 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được trích tối đa 30% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc giới hạn mức trích lập Quỹ đầu tư phát triển sẽ làm hạn chế năng lực đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, đặc</p>	<p>- Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên vì quy định trích quỹ đầu tư phát triển tối đa 30% lợi nhuận sau thuế đã được quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, về lâu dài, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu đề trình Chính phủ báo cáo Quốc hội sửa đổi mức trích Quỹ đầu tư phát triển tại Luật thay thế Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>biệt trong bối cảnh việc triển khai thực hiện các dự án quan trọng quốc gia do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần tích lũy nguồn lực tài chính lớn và kéo dài. Hiện nay, ngoài việc trích Quỹ đầu tư phát triển, các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng cường năng lực tài chính thực hiện dự án quan trọng quốc gia; tuy nhiên, chưa có cơ chế, chính sách, quy định để doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thể huy động nguồn lực tài chính thực hiện dự án quan trọng quốc gia.</p> <p>PVN hiện đã được Thủ tướng Chính phủ giao làm chủ đầu tư dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2 (dự án quan trọng quốc gia). Do đó, để bảo đảm nguồn lực tài chính triển khai dự án, PVN đề nghị Bộ Tài chính xem xét, không giới hạn mức trích tối đa vào Quỹ đầu tư phát triển đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện dự án quan trọng quốc gia.</p> <p>(ii) Về việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1243/QĐ-TTg ngày 25/10/2023 về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại PVN giai đoạn đến hết năm 2025, PVN đang triển khai việc chuyển nhượng vốn đầu tư của PVN tại doanh nghiệp khác và đơn vị tư vấn đang trong quá trình xác định giá trị các doanh nghiệp mà PVN cần chuyển nhượng vốn. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung quy định chuyển tiếp tại dự thảo Nghị định; trong đó, cho phép doanh nghiệp tiếp tục sử dụng các Chứng thư thẩm định giá ban hành trước ngày</p>	<p>(ii) Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên tại dự thảo Nghị định vì nội dung liên quan đến sửa đổi quy định về xác định giá trị tạo ra bởi quyền sử dụng đất thuê sẽ ảnh hưởng đến việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ.</p>

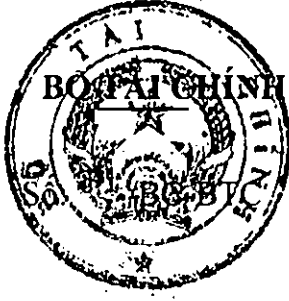
STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			Nghị định có hiệu lực để thực hiện chuyển nhượng vốn, không làm lãng phí chi phí thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá và bảo đảm thời hạn thực hiện chuyển nhượng vốn do Thủ tướng Chính phủ giao.	
13	Quyền phát triển dự án	TCT Phát triển nhà và đô thị	Theo quy định tại DTND, việc xác định giá trị quyền sử dụng đất khi tính vào giá khởi điểm chuyển nhượng vốn không bao gồm các diện tích đất do Nhà đầu tư được lựa chọn (qua đấu thầu) thực hiện dự án (giai đoạn đang giải phóng mặt bằng, chưa giao đất chính thức, chưa có hợp đồng thuê đất, chưa có thông báo nộp tiền sử dụng đất tiền thuê đất) hoặc diện tích đất thuê tại các dự án nhưng vướng giải phóng mặt bằng, chưa có hợp đồng thuê đất. Quy định tại các nghị định về chuyển nhượng vốn và các chuẩn mực thẩm định giá, khi xác định giá trị doanh nghiệp để xác định giá khởi điểm không phải tính giá trị quyền phát triển dự án, không có hướng dẫn chi tiết để xác định quyền phát triển dự án. Trên thực tế, diện tích đất tại các dự án do nhà đầu tư trúng thầu, các dự án được Nhà nước giao, diện tích đất thuê tại các dự án nhưng vướng giải phóng mặt bằng, chưa có hợp đồng thuê đất đều có thể phát sinh giá trị (quyền phát triển dự án) ảnh hưởng lớn đến việc xác định giá khởi điểm khi thoái vốn. Để an toàn và tránh việc bị quy kết xác định thiếu giá trị nên một số đơn vị tư vấn thẩm định giá (xác định giá khởi điểm) đề xuất tính giá trị quyền phát triển dự án vào giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (cụ thể: giá trị quyền phát triển dự án ước tính theo lợi nhuận của nhà đầu tư vận dụng theo phương pháp thặng dư trong xác định giá đất cụ thể của Nghị định 71/2024/NĐ-CP). Việc “vận dụng” này có thể mang lại điểm tích cực là sự an toàn, mang lại giá	- Đề nghị này sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, rà soát, hướng dẫn tổng thể khi xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật thay thế Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			<p>trị (tăng thêm) cho nhà nước trong giá khởi điểm tuy nhiên cũng gây khó khăn hơn trong quá trình thoái vốn của doanh nghiệp do có những đơn vị tư vấn đề xuất vận dụng, có những đơn vị không vận dụng nhất là trong bối cảnh trách nhiệm của doanh nghiệp được nâng cao như tại khoản 6 Điều 3 Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về phạm vi công việc thẩm định giá Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đơn vị thực hiện hoạt động thẩm định giá phải trao đổi và thống nhất với doanh nghiệp yêu cầu thẩm định giá.</p> <p>Vì vậy, Tổng công ty kính đề nghị Ban soạn thảo xem xét đưa nội dung tính quyền phát triển dự án đối với các dự án thuộc diện nêu trên (chưa được giao đất, chưa có thông báo nộp tiền sử dụng đất, đang giải phóng mặt bằng,...) vào giá trị doanh nghiệp khi xác định giá khởi điểm để đảm bảo tính thống nhất khi triển khai thực hiện ở các đơn vị.</p>	
14		- Sở Tài chính Thái Nguyên	<p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu bổ sung hướng dẫn cụ thể (hoặc quy định giao Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn) việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất trong giá khởi điểm khi thực hiện việc chuyển nhượng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>Lý do: Luật đất đai năm 2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2024 chưa quy định việc xác định giá trị quyền sử dụng đất khi thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (việc chuyển nhượng vốn liên quan</p>	- Bộ Tài chính chưa nhận được phản ánh cụ thể về khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quá trình thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			đến quyền sử dụng đất phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai)	
15	Điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP Chưa có trong Dự thảo	EVN	Đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung như sau: "Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP như sau: a) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định (hoặc phân cấp/ủy quyền quyết định) thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại doanh nghiệp nhà nước. Thành phần Hội đồng gồm: Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Kế toán trưởng, các trưởng phòng có liên quan; đại diện Ban Chấp hành công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp và một số chuyên gia am hiểu về tính năng kỹ thuật của tài sản cố định (nếu cần). Nhiệm vụ của Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của doanh nghiệp gồm".	- Đề nghị này sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, sửa đổi tổng thể tại Nghị định hướng dẫn Luật thay thế Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.
<b>Kỹ thuật soạn thảo văn bản</b>				
16	Điều 2 DTND	KTNN	Nội dung Điều 2 của dự thảo Nghị định hiện sử dụng cụm từ "Ủy ban nhân dân tỉnh": Đề nghị nghiên cứu, có thể biên tập thành "Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" để đảm bảo tính bao quát.	- Bộ Tài chính đã tiếp thu và hoàn chỉnh tại DTND theo hướng sửa "Ủy ban nhân dân tỉnh" thành "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP "Cơ quan đại diện chủ sở hữu là các Bộ, cơ quan ngang Bộ...; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).."
17	Khoản 4 Điều 2 DTND	- Sở Tài chính Thái Nguyên - STC Điện	- Tại gạch đầu dòng thứ hai, đoạn văn bản thứ 3 trong khoản 4 Điều 2 Dự thảo (trang 7) quy định nội dung sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa	- Bộ Tài chính đã tiếp thu và hoàn thiện tại DTND.



STT	Nhóm vấn đề hoặc điều khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Biên - TCT Vận tải Hà Nội	<p>đổi như sau:</p> <p>"...- Giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm được xác định theo thời hạn thuê đất còn lại và chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất tính theo <b>giá đất</b> do tổ chức tư vấn xác định tại thời điểm xác định giá khởi điểm với tiền thuê đất <b>tính</b> theo giá đất mà <del>doanh nghiệp khác</del> <b>doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước đang thực hiện trả tiền thuê đất.</b>"</p> <p>- Đề nghị bổ sung cụm từ "hợp đồng thuê đất" vào khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:            "+Chỉ thực hiện xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm đối với diện tích đất của doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước đã và đang trực tiếp ký <b>hợp đồng thuê đất</b> với cơ quan nhà nước có thẩm quyền"</p>	<p>- Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên tại ND số 140/2020/ND-CP vì DTND chỉ tập trung sửa đổi, bổ sung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị trong quá trình thực hiện. Nội dung trên Bộ Tài chính không nhận được phản ánh vướng mắc của các cơ quan, doanh nghiệp.</p>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## BÁO CÁO

Về rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Kết quả rà soát như sau:

### I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

#### 1. Mục đích, yêu cầu rà soát

Nhằm tránh nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định cùng nội dung bị mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp với thực tiễn.

Đảm bảo dự thảo Nghị định thống nhất, đồng bộ pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đất đai và pháp luật quản lý sử dụng tài sản công, bảo đảm không tạo lỗ hổng pháp lý hoặc thất thoát tài sản của nhà nước.

#### 2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng về cổ phần hóa và quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp nêu tại điểm 1 Mục III Tờ trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ

### II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

#### 1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự thảo Nghị định: Qua rà soát đã rà soát được 04 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định bao gồm các văn bản sau:

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài



sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025)

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và số 43/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024.

- Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp nhà nước.

- Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất.

## **2. Kết quả cụ thể**

(Phụ lục kèm theo)

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục TCDN (  b).

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Cao Anh Tuấn**

## Phụ lục

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT LIÊN  
QUAN ĐẾN DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ  
ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP VÀ NGHỊ  
ĐỊNH SỐ 140/2020/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

Nhóm vấn đề	Dự thảo văn bản	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
<p>Về phương án sắp xếp lại xử lý nhà, đất của doanh nghiệp và phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa</p>	<p>+ Về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: Bãi bỏ nội dung quy định về điều kiện CPH doanh nghiệp là phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, theo đó bãi bỏ nội dung quy định tại điểm c khoản 1 thuộc điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Về phương án sử dụng đất: sửa đổi khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 140/2020/NĐ-CP theo hướng:</p> <p>“Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.”</p>	<p>- Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP), điều kiện CPH doanh nghiệp là phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; theo đó, căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các DNNN lập phương án sử dụng đất tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu gửi lấy ý kiến UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước khi quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất khi CPH.</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định đầy đủ cơ sở pháp lý để thực hiện quản lý, sử dụng và hình thức xử lý, thẩm quyền quyết định, thủ tục tổ chức thực hiện xử lý đối với nhà, đất của doanh nghiệp. Vấn đề tồn tại trong quản lý, sử dụng đất của doanh nghiệp (nếu có) là do doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai và cơ quan khác có liên quan chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Theo quy định của pháp luật về cổ phần hoá doanh nghiệp (Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP) thì khi thực hiện cổ phần hoá, các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa có trách nhiệm thực hiện lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; rà soát toàn bộ diện tích đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chiến lược phát triển của doanh nghiệp, xác định phần diện tích giữ lại tiếp tục sử dụng và phần diện tích phải bàn giao lại cho địa phương theo đúng quy định của pháp luật đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Về chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT ngày 12/5/2021 hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa DNNN; lập và phê duyệt phương án</p>

		<p>sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.</p> <p>- Hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp chỉ điều chỉnh hoạt động quản lý vốn, không quy định về quản lý tài sản đặc thù như nhà, đất của các doanh nghiệp. Việc quản lý các tài sản đặc thù phải được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành (pháp luật đất đai hoặc pháp luật về quản lý tài sản công).</p> <p>Như vậy, về đất đai của doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa): Doanh nghiệp thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật đất đai. Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp (bao gồm cả phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa) thực hiện theo pháp luật về đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Pháp luật về cổ phần hóa: Do hệ thống pháp luật về cổ phần hóa không hướng dẫn đặc thù về nhà, đất của các doanh nghiệp cổ phần hóa mà chỉ dẫn chiếu quy định trong quá trình cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và phương án sử dụng đất theo pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, khi pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thay đổi dẫn đến pháp luật về cổ phần hóa thay đổi, căn cứ Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ:</p> <p><i>+ Về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: Bãi bỏ nội dung quy định về điều kiện CPH doanh nghiệp là phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý</i></p>
--	--	--

			<p><i>nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, theo đó bãi bỏ nội dung quy định tại điểm c khoản 1 thuộc điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.</i></p> <p><i>- Về phương án sử dụng đất: sửa đổi khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 140/2020/NĐ-CP theo hướng:</i></p> <p><i>“Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.”</i></p>
--	--	--	---



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG**  
**Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số**  
**126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-**  
**CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ**

Thực hiện quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã rà soát và có phát sinh thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ (Dự thảo Nghị định). Nội dung của Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở thực hiện theo những quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, chỉ sửa đổi, bổ sung một số nội dung phù hợp với các quy định tại pháp luật đất đai, pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công cũng như phát sinh trong thực tiễn, cụ thể các nội dung chính như sau:

**1. XÁC ĐỊNH VĂN ĐỀ TỔNG QUAN**

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025); trong đó tại điểm c khoản 22 Điều 5 của Luật quy định không phải thực hiện sắp xếp lại nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với nhà, đất do doanh nghiệp quản lý, sử dụng. Đồng thời, ngày 18/01/2024, Quốc hội thông qua Luật Đất đai (số 31/2024/QH15 và số 43/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).



Ngày 24/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chi thị số 47/CT-TTg về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp nhà nước; trong đó, Thủ tướng Chính phủ giao:

- Bộ Tài chính: “*b) Sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về cổ phần hoá doanh nghiệp đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; trong đó có Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần*”.

- Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường

“*a) Sửa đổi, bổ sung quy định hướng dẫn về nội dung phương án sử dụng đất, lập, phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, hoàn thành trong năm 2024.*

*b) Thường xuyên rà soát, đánh giá chế độ quản lý, sử dụng đất của các tổ chức kinh tế (trong đó có doanh nghiệp nhà nước) theo quy định của pháp luật về đất đai để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, bảo đảm quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả đất đai do doanh nghiệp nhà nước sử dụng.*

*c) Chỉ đạo các địa phương, đơn vị có liên quan rà soát phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước, giải quyết những vướng mắc, khó khăn (nếu có) trong quản lý, sử dụng đất đai của các doanh nghiệp nhà nước.”*

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất trong đó quy định không thực hiện sắp xếp nhà, đất của doanh nghiệp.

Để đảm bảo quy định của pháp luật cổ phần hóa doanh nghiệp đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan, cần thiết phải ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ ngành, cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp (Văn phòng Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, EVN, Agribank...), đề tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình cổ phần hoá và quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định nêu trên là cần thiết.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### 1. Về kiểm soát thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến có 01 TTHC theo quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC và các Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ: Thủ tục quyết toán thuế khi thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp (khoản 3 Điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 Nghị định 126/2017/NĐ-CP).

2. Về việc công bố TTHC Căn cứ quy định tại các Nghị định của Chính phủ về kiểm soát TTHC thì Quyết định công bố TTHC của Bộ phải được ban hành chậm nhất trước 20 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. Đồng thời, căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC và Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 12/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế công bố, niêm yết và cập nhật và Cơ sở dữ liệu Quốc gia các TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Bộ Tài chính, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm dự thảo trình Bộ ban hành Quyết định công bố TTHC ngay sau khi văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC được ký ban hành.

### III. LẤY Ý KIẾN

Ngày 24/01/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 1211/BTC-TCĐN gửi lấy ý kiến tham gia (lần 2) của các Bộ, ngành, các Tập đoàn, Tổng công ty về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP. Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung đã được đăng trên trang thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Tính đến ngày 20/02/2025, Bộ Tài chính đã nhận được 85 ý kiến của các cơ quan, Bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp, bao gồm 48/63 tỉnh, thành phố; 06/18 Bộ, ngành và 31/54 doanh nghiệp. Trong đó: 57 đơn vị, doanh nghiệp thống nhất hoàn toàn với nội dung DTND; 28 đơn vị còn lại có ý kiến thống nhất, đồng thời tham gia trực tiếp vào nội dung DTND về kỹ thuật văn bản và đề nghị quy định rõ hơn để sát với tình hình thực tế. Còn 15/63 tỉnh, thành phố; 12/18 Bộ, ngành và 23/54 doanh nghiệp, Bộ Tài chính chưa nhận được ý kiến tham gia.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các đơn vị tham gia ý kiến, Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình cụ thể tại Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện Dự thảo Nghị định./.

**BỘ TÀI CHÍNH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động của chính sách**

***Trong đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ***

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

a) Thời gian qua, cơ chế chính sách về CPH, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước (DNNN) luôn được Chính phủ quan tâm, chỉ đạo, bổ sung hoàn thiện theo hướng đảm bảo chặt chẽ hơn, công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường, tối đa hóa lợi ích của Nhà nước, hạn chế thất thoát vốn, tài sản nhà nước trong quá trình CPH, thoái vốn, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Kể từ năm 2015 đến nay, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 91/2015/NĐ-CP<sup>1</sup>, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP<sup>2</sup>, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp cũng như quy định chi tiết các nguyên tắc, trình tự, thủ tục khi thực hiện CPH, thoái vốn.

b) Với các cơ chế chính sách được ban hành, công tác CPH, thoái vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trong giai đoạn năm 2016-2020 đã đạt được những kết quả tích cực. Trong đó:

- Về CPH, đã có 180 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án CPH với tổng giá trị doanh nghiệp là 489.690 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 233.792 tỷ đồng. Tổng giá trị thu về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp từ công tác CPH là 36.518 tỷ đồng (đạt 1,6 lần so với giá bán).

- Về thoái vốn, đã thực hiện thoái vốn theo giá trị sổ sách là 27.312 tỷ đồng, thu về là 177.397 tỷ đồng, trong đó: thoái vốn nhà nước tại 106 đơn vị thuộc Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017<sup>3</sup> và Quyết định số 908/QĐ-

<sup>1</sup> Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

<sup>2</sup> Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

<sup>3</sup> Phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 - 2020



TTg ngày 29/6/2020<sup>4</sup> của Thủ tướng Chính phủ với giá trị sổ sách 6.493 tỷ đồng, thu về 13.583 tỷ đồng.

c) Mặc dù vậy, thời gian gần đây, tiến độ CPH, thoái vốn có dấu hiệu chậm lại. Giai đoạn năm 2021 - 2022 ghi nhận 05 doanh nghiệp CPH, thoái vốn nhà nước tại 05 doanh nghiệp.

- Nhằm có những đánh giá khách quan, toàn diện về nguyên nhân công tác CPH, thoái vốn chưa đạt được kết quả như kế hoạch đã đề ra, ngày 17/5/2022, Bộ Tài chính đã tổ chức Hội thảo tại Hà Nội về “*Giải pháp thúc đẩy quá trình CPH doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp*” với sự tham gia của đại diện nhiều Bộ, Cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân (UBND) TP. Hà Nội, UBND TP. Hồ Chí Minh, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty/DNNN, các chuyên gia thuộc một số Học viện/Viện nghiên cứu.

Tại Hội thảo, các đại biểu đánh giá tiến độ CPH, thoái vốn chưa đạt được như kế hoạch xuất phát từ nhiều nguyên nhân, bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, như: hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về CPH, thoái vốn mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn chưa theo kịp được đầy đủ yêu cầu của thực tiễn; còn có cách hiểu chưa thống nhất về thực hiện chính sách, chế độ về CPH, thoái vốn giữa các ngành, các cấp và doanh nghiệp, dẫn đến phải rà soát, giải trình, báo cáo nhiều lần, kéo dài thời gian thực hiện trong công tác CPH, thoái vốn; việc xây dựng phương án sử dụng đất của toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt còn chậm; việc xác định giá đất làm căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp để CPH, thoái vốn còn chậm,...

d) Cũng đánh giá về các nguyên nhân làm ảnh hưởng đến tiến độ CPH, thoái vốn, tại Báo cáo giám sát số 920/BC-UBKT ngày 25/5/2022<sup>5</sup> (Báo cáo giám sát), Ủy ban Kinh tế Quốc hội nhận định: “... một số quy định chưa đầy đủ, rõ ràng, còn thiếu khả thi, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, chưa cụ thể... nhất là các văn bản liên quan đến cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp; còn có nhiều quan điểm, cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện các quy định... khi CPH, thoái vốn...”

(ii) Việc ban hành mới chính sách, chế độ về CPH, thoái vốn dẫn đến các doanh nghiệp phải thực hiện lại quy trình từ đầu (đặc biệt trong phê duyệt phương án sử dụng đất sau CPH...)”.<sup>6</sup>

Đồng thời, về phía cơ quan đại diện chủ sở hữu, Báo cáo giám sát đánh giá<sup>7</sup>: “... Việc tổ chức triển khai còn chưa đồng bộ, chưa hiệu quả, chưa có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các Bộ, ngành, địa phương, nhất là trong thực hiện lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, sắp xếp lại, xử lý tài

<sup>4</sup> Phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020

<sup>5</sup> Báo cáo số 920/BC-UBKT ngày 25/5/2022 của Ủy ban Kinh tế Quốc hội giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về CPH DNNN, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp và chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

<sup>6</sup> Trang 9 Báo cáo giám sát.

<sup>7</sup> Trang 10 Báo cáo giám sát

sản công, tiến độ phê duyệt còn rất chậm, đặc biệt là các thành phố lớn như TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh... Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp có nhiều cách hiểu và khó bảo đảm cơ sở thuyết phục, nhất là khi quy trình CPH, thoái vốn có thể kéo dài, có thể xảy ra thất thoát... Trong khi đó, giá trị quyền sử dụng đất chỉ gia tăng khi có sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất; hình thức sử dụng đất của doanh nghiệp trước và sau CPH không thay đổi, vẫn là Nhà nước giao đất, cho thuê đất... Việc gắn phương án xử lý, sắp xếp nhà, đất với quy trình CPH, thoái vốn trong khi việc rà soát hiện trạng nhà, đất là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai, được thực hiện cả trước, trong và sau cổ phần hóa, để đảm bảo đúng mục đích sử dụng đất, hiệu quả sử dụng đất, tránh hoang hóa, lãng phí”.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025); trong đó tại điểm c khoản 22 Điều 5 của Luật quy định không phải thực hiện sắp xếp lại nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với nhà, đất do doanh nghiệp quản lý, sử dụng. Đồng thời, ngày 18/01/2024, Quốc hội thông qua Luật Đất đai (số 31/2024/QH15 và số 43/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024).

Ngày 24/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 47/CT-TTg về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp nhà nước; trong đó, Thủ tướng Chính phủ giao:

- Bộ Tài chính: “b) Sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về cổ phần hoá doanh nghiệp đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; trong đó có Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần”.

- Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường

“a) Sửa đổi, bổ sung quy định hướng dẫn về nội dung phương án sử dụng đất, lập, phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, hoàn thành trong năm 2024.

b) Thường xuyên rà soát, đánh giá chế độ quản lý, sử dụng đất của các tổ chức kinh tế (trong đó có doanh nghiệp nhà nước) theo quy định của pháp luật về đất đai để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, bảo đảm quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả đất đai do doanh nghiệp nhà nước sử dụng.

*c) Chỉ đạo các địa phương, đơn vị có liên quan rà soát phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước, giải quyết những vướng mắc, khó khăn (nếu có) trong quản lý, sử dụng đất đai của các doanh nghiệp nhà nước.”*

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất trong đó quy định không thực hiện sắp xếp nhà, đất của doanh nghiệp.

Như vậy, xuất phát từ những vấn đề thực tiễn phát sinh thời gian qua; đồng thời để đảm bảo quy định của pháp luật cổ phần hóa doanh nghiệp đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan, cần thiết phải ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

## 2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy công tác cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp; đảm bảo thống nhất, đồng bộ pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đất đai và pháp luật quản lý sử dụng tài sản công, bảo đảm không tạo lỗ hổng pháp lý hoặc thất thoát tài sản của nhà nước.

- Tạo cơ sở pháp lý, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định hiện hành để doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thực hiện quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp theo quy định.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

### 1. Chính sách 01: Về phương án sắp xếp lại xử lý nhà, đất của doanh nghiệp và phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa

#### 1.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP), điều kiện CPH doanh nghiệp là phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; theo đó, căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, phương án sử dụng đất theo quy định đối với các công ty nông, lâm nghiệp, các DNNN lập phương án sử dụng đất tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu gửi lấy ý kiến UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước khi quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất khi CPH.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc

gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025); trong đó tại điểm c khoản 22 Điều 5 của Luật quy định không phải thực hiện sắp xếp lại nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với nhà, đất do doanh nghiệp quản lý, sử dụng.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 47/CTTTg ngày 24/12/2024 về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà, đất tại DNNN, giao Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương án sử dụng đất.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất trong đó quy định không thực hiện sắp xếp lại, đất của doanh nghiệp.

Như vậy, việc bãi bỏ nội dung quy định về điều kiện CPH doanh nghiệp là phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và sửa đổi về phương án sử dụng đất tại pháp luật về cổ phần hóa là cần thiết.

## 1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy công tác cổ phần hóa doanh nghiệp; đảm bảo thống nhất, đồng bộ pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đất đai và pháp luật quản lý sử dụng tài sản công, bảo đảm không tạo lỗ hổng pháp lý hoặc thất thoát tài sản của nhà nước.

## 1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Giữ nguyên quy định về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, phương án sử dụng đất tại pháp luật cổ phần hóa. Khi pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thay đổi thì pháp luật về cổ phần hóa cũng tự động hết hiệu lực thi hành mà không cần thiết phải bổ sung thêm thủ tục quy định để điều chỉnh thay đổi tại pháp luật về cổ phần hóa.

### Phương án 2:

+ Về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: Bãi bỏ nội dung quy định về điều kiện CPH doanh nghiệp là phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, theo đó bãi bỏ nội dung quy định tại điểm c khoản 1 thuộc điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

+ Về phương án sử dụng đất: sửa đổi khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 140/2020/NĐ-CP theo hướng:

*“Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.”*

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

### 1.4.1. Phương án 1:



a) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Thực hiện theo phương án này có thể dẫn đến chưa thống nhất đồng bộ với đảm bảo không có khoảng trống pháp lý, tạo sự ổn định trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Đối với nhà nước: Phương án này không làm phát sinh chi phí của ngân sách nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật.

- Đối với doanh nghiệp: doanh nghiệp chưa rõ quy định về điều kiện CPH doanh nghiệp là phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất có được bãi bỏ tại pháp luật về cổ phần hóa không? Đồng thời phương án sử dụng đất khi doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện như thế nào?

c) Tác động của thủ tục hành chính: không có

1.4.2. Phương án 2:

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Thực hiện theo phương án này tạo sự thống nhất đồng bộ với đảm bảo không có khoảng trống pháp lý, tạo sự ổn định trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Đối với nhà nước: Phương án này có thể làm phát sinh chi phí của ngân sách nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật.

- Đối với doanh nghiệp: Việc quy định sửa đổi, bổ sung như trên tại dự thảo đã tháo gỡ khó khăn cho quá trình cổ phần hóa khi doanh nghiệp cổ phần hóa gặp khó khăn vướng mắc trong việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất, đồng thời quy định phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo pháp luật về đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhằm thống nhất về quản lý, sử dụng đất đai. Do đó, việc quy định như trên đảm bảo doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật cổ phần hóa.

c) Tác động của thủ tục hành chính: không có

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 2 là phương án có nhiều tác động tích cực hơn, rõ ràng, thống nhất đồng bộ pháp luật cổ phần hóa với pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Đối chiếu với mục tiêu xây dựng văn bản và mục tiêu giải quyết vấn đề, Bộ Tài chính đề xuất lựa chọn phương án 2.

**2. Chính sách: bổ sung quy định Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.**

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

Kiểm toán nhà nước có công văn số 21/KTNN-CNVI ngày 06/02/2021 đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP liên quan

đến khoản lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền có nguồn gốc của DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, DN do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ nhưng đến trước thời điểm chuyển thể chưa có Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng thành viên tại tổ chức nhận góp vốn nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của nhà nước, DNNN.

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 thì: các khoản lợi nhuận sau thuế, cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư tài chính phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần chỉ được ghi nhận (thực hiện ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính đồng thời ghi tăng nợ phải thu) sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên tại tổ chức nhận vốn góp.

Như vậy, chưa có cơ sở pháp lý để doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện hạch toán vào báo cáo tài chính tại thời điểm chuyển thể (thời điểm lập báo cáo tài chính để quyết toán cổ phần hóa) đối với các khoản lợi nhuận, cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư tài chính mà sau thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần mới có “Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên tại tổ chức nhận góp vốn”.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: Tháo gỡ ngay khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy công tác sắp xếp, cổ phần hóa tại doanh nghiệp.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Giữ nguyên chính sách hiện tại

Phương án 2: Đề nghị bổ sung quy định điểm g khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP đối với cả 02 trường hợp: Tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần chưa có Nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền và chia cổ tức bằng cổ phiếu.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Phương án 1:

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Thực hiện theo phương án này có thể dẫn đến văn bản pháp luật chưa quy định đầy đủ việc quản lý vốn nhà nước đối với một số hoạt động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Đối với nhà nước: Phương án này không làm phát sinh chi phí của ngân sách nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật. Nhà nước/Công ty mẹ không được hưởng khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư tài chính mà có nguồn gốc của giai đoạn doanh nghiệp chưa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

- Đối với doanh nghiệp: doanh nghiệp được khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư tài chính mà có nguồn gốc của giai đoạn doanh nghiệp chưa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

c) Tác động của thủ tục hành chính: không có

#### 2.4.2. Phương án 2:

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Thực hiện theo phương án này có thể dẫn đến văn bản pháp luật quy định đầy đủ việc quản lý vốn nhà nước đối với một số hoạt động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Đối với nhà nước: Phương án này có thể làm phát sinh chi phí của ngân sách nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật, nhưng góp phần tăng thu NSNN/thu nhập Công ty mẹ - doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với hoạt động đầu tư tài chính do thu được các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho doanh nghiệp trong giai đoạn chưa chính thức chuyển thành công ty cổ phần có vốn góp tại các đơn vị nhận vốn góp, do đó các khoản cổ tức này phải nộp toàn bộ vào NSNN/Công ty mẹ, góp phần tăng thu NSNN/tăng thu nhập của Công ty mẹ.

- Đối với doanh nghiệp phải nộp cổ tức, lợi nhuận: doanh nghiệp không được hưởng khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư tài chính mà có nguồn gốc của giai đoạn doanh nghiệp chưa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

c) Tác động của thủ tục hành chính: không có

#### 2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 2 là phương án có nhiều tác động tích cực hơn, thu được lợi ích kinh tế, đảm bảo lợi ích hợp pháp của nhà nước và Công ty mẹ - doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đối chiếu với mục tiêu xây dựng văn bản và mục tiêu giải quyết vấn đề, Bộ Tài chính đề xuất lựa chọn phương án 2.

Bổ sung quy định điểm g khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP như đã báo cáo tại điểm 2.3 nêu trên./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&ĐT;
- Các Vụ: PC, CST, TCNI;
- Các Cục: QLG, QLCS, QLGS KTKT;
- Tổng cục Thuế; Ttra Bộ;
- UBCKNN;
- Lưu: VT, Cục TCDN (  b).

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Cao Anh Tuấn**